

Hiến Chế Tín Lý Về Mạc Khải Của Thiên Chúa Dei Verbum

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Giới Thiệu

I. Lịch Sử Bản Văn:

Hiến chế Dei Verbum là một trong những văn kiện quan trọng nhất của Công Đồng Vaticano II về phương diện giáo thuyết cũng như về thái độ khác biệt giữa các nghị phụ; Thật vậy, chính trong khi bàn cãi về Lược đồ này, các nghị phụ đã nhận thức về sự phân chia khuynh hướng thần học giữa các ngài. Lược đồ về Mạc Khải nằm ở ngoài quyển sách đã được Ủy Ban Trung ương xuất bản năm 1962. Và như vậy người ta tưởng sẽ được bàn cãi trước tiên. Nhưng Đức Gioan XXIII nhận thấy đã có những bất đồng ý kiến trong bản văn "về Mạc Khải", nên ngài không muốn khởi đầu Công đồng với bản văn gai góc này, và đã quyết định bàn cãi về Phụng vụ trước tiên, vì các nghị phụ dễ đồng ý về vấn đề này hơn.

Bản văn trình bày trong sách trên thật ra là bản văn thứ năm mà Ủy ban và các nghị phụ đã soạn thảo. Ngày 12.7.1962, Đức Gioan XXIII truyền lệnh gửi cho các nghị phụ bàn cãi loạt Lược đồ lần thứ nhất. Trong số đó, có Lược đồ "Hiến chế Tín lý về các nguồn Mạc Khải". Lược đồ này được bàn cãi từ ngày 14 đến 21.11.1962. Chính trong các cuộc bàn cãi này mà Công đồng Vaticano II đã tự chia ra phe "đa số" và "thiểu số" theo luồng tư tưởng và theo lối diễn tả thần học của các nghị phụ. Từ đó các khuynh hướng khác biệt này chi phối tất cả các công việc của Công đồng.

Trong diễn văn khai mạc ngày 11.10.1962 (Khóa I từ 11.10 đến 08.12.1962), Đức Gioan XXIII đã nói: "Bản chất của giáo thuyết cổ truyền chứa trong kho tàng đức tin là một chuyện, còn việc định thức bản chất lại là chuyện khác, vì việc định thức căn cứ trên những hình thức và sự tương xứng với những nhu cầu giáo huấn, nhất là về mục vụ". Sự phân biệt giữa "bản chất" và "định thức" sẽ giữ một vai trò quan trọng trong cuộc bàn cãi lược đồ này. Lược đồ đã được các Hồng y Ottaviani, Ruffini, Siri... bênh vực, và bị các Hồng y Liénart, Frings... kết án, còn các Hồng y Bea, Léger, Tisserant... thì chỉ trích. Người ta cho rằng cách nói quá kinh viện, lối hành văn phản mục vụ, phản Kinh Thánh và phản hiệp nhất. Chủ tịch đoàn Công đồng quyết định bỏ thăm bản văn (ngày 20.11.1962), và bản văn bị loại bỏ với 1,368 phiếu chống, 822 phiếu thuận, và 18 phiếu bất hợp lệ. Buổi họp trải qua vài giờ lộn xộn vì chưa đủ đa số 2/3 để loại bỏ một lược đồ (cần phải 1,473 phiếu mới đủ 2/3). Nhưng có nên chấp nhận một lược đồ bị một đa số như trên loại bỏ không? Khi ấy, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đích thân can thiệp; ngài quyết định trao trả lược đồ cho một Ủy ban Thần học và của Văn phòng Hợp nhất Kitô giáo.

Ủy ban này khởi công bằng việc đồng ý về nhiều điểm quan trọng, như bỏ tựa đề "về hai nguồn..." (vì nó sẽ gây ra nhiều hiểu lầm), đặt lại tựa đề cho chương I: "Về Lời Chúa được Mạc

khải..." (như thế, nó tổng quát và dễ dàng chấp nhận hơn). Tuy nhiên vẫn còn những bất đồng, nhất là về tương quan giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền. Lược đồ được hoàn thành vào tháng 3.1963 và được gửi cho các nghị phụ vào tháng 5.1963. Bản văn sẽ không được bàn cãi trong kỳ họp thứ hai, nhưng vẫn không thiếu những phê bình được gửi tới. Thật vậy, các vị soạn thảo muốn "có ý tránh vấn đề Hai nguồn Mạc Khải mà không xác nhận hay chối bỏ rằng Thánh Truyền chứa những gì mà Thánh Kinh không có" (Relatio..., tr.5). Điều đó làm cho bản văn trở nên nhạt nhẽo, thiếu màu sắc và hàm hồ... Mạc Khải được hiểu như là "nội dung" của Mạc Khải hơn là "hành động" Chúa Mạc Khải. Thánh Truyền duy nhất bị lẫn lộn với các truyền thống, điều này gây nhiều hiểu lầm...

Đến ngày 31.1.1964, các nghị phụ hết hạn gửi các nhận xét. Như thế, người ta có thể lợi dụng được các ý kiến trong các cuộc bàn cãi đang diễn ra "về Lược đồ Giáo Hội", vì Mạc Khải và Giáo Hội không thể tách rời nhau. Những lời than phiền của các nghị phụ hầu như chỉ quy về hai điểm: các bản văn chưa đánh giá đầy đủ tầm quan trọng của Mạc Khải và của Thánh Truyền, cũng như chưa được cân nhắc đầy đủ. Ngày 07.3.1964, người ta thành lập một tiểu ban phụ trách tu chỉnh bản văn dưới sự chủ tọa của Đức Giám Mục Charue với sự cộng tác của nhiều chuyên viên. Ủy ban này chia làm 2 nhóm: Nhóm thứ nhất phụ trách chương I và II (chủ tịch: Đức Giám Mục Florit và các chuyên viên Congar, Rahner, Moeller, Ramirez...), Nhóm thứ hai phụ trách chương III đến chương VI (chủ tịch: Đức Giám Mục Semmonelroth...). Từ 20 đến 24.4.1964, các ngài bỏ túc bản văn mới, và đưa ra bản tối hậu. Sau đó, bản văn được trình lên Văn phòng Hợp nhất để xem có phải sửa đổi gì không. Ngày 30.6.1964, Văn phòng trả lời chấp thuận; Đức Hồng Y Bea xét rằng không cần phải họp hai cơ quan đề tu chỉnh. Sau đó, Ủy ban Giáo thuyết cứu xét bản văn (từ ngày 3 đến 5.6.64). Chương II tạm được chấp nhận (17 phiếu thuận, 7 chống), vì 7 nghị phụ đòi phải nói: Thánh Truyền khách quan rộng hơn Thánh Kinh (x. Relatio..., tr.6).

Cuộc bàn cãi bản văn bắt đầu từ ngày 30.9.1964 tại đền Thánh Phêrô. Có hai bản phúc trình: một của nhóm đa số trong Ủy ban (Đức Giám Mục Florit đọc), và một của nhóm thiểu số (Đức Giám Mục Franic trình bày). Vấn nạn quan trọng nhất do nhóm thiểu số đưa ra là ý tưởng về "Thánh Truyền cấu thành" (Traditio constitutive). Đó là giảng thuyết và đức tin của toàn thể Giáo Hội tông đồ, dưới sự tác động của Thánh Thần Mạc Khải, chứa đựng những chân lý thật ra không có trong Thánh Kinh. Đó là trường hợp các tín điều về Đức Mẹ (Đức Giám Mục Beras). Ngoài ra, nếu hạ giá Thánh Truyền, như Lược đồ đã làm, người ta sẽ rơi vào một thứ Tân Thời thuyết. Tuy thế, đa số chấp nhận và khen ngợi ý tưởng của bản văn. Dầu vậy, những phê bình của nhóm thiểu số cũng rất hữu ích vì nó xác định rõ ràng nhiều ý niệm.

Theo Ủy ban, kết quả cuộc can thiệp của các nghị phụ như sau:

- 1) Điểm tích cực:
 - a. Ngôn ngữ rõ ràng, cẩn thận và có tính cách trình bày.
 - b. Cơ cấu bản văn được sắp đặt kỹ lưỡng và cân đối.
 - c. Giáo thuyết chắc chắn phát xuất từ Cổ truyền và Thánh Kinh.
 - d. Quan niệm Mạc Khải quy về Chúa Kitô và con người cũng như cách thức trình bày tương quan giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền.
- 2) Điểm tiêu cực:
 - a. Cách hành văn phức tạp và đôi khi tối nghĩa.
 - b. Im lặng trước những sai lạc và lạm dụng hiện có.
 - c. Trình bày khiếm khuyết về Cựu Ước.

d. Thiếu chiều hướng Giáo Hội trong Mạc Khải.

e. Phải trình bày vai trò của Chúa Thánh Thần trong hoạt động của Huân quyền Giáo Hội.

Các tiểu ban bắt tay làm việc để tổng hợp đề nghị của các nghị phụ. Nhờ đó một bản văn thứ tư được thành hình và đã được gửi tới cho các nghị phụ trong phiên họp khoáng đại cuối cùng của kỳ họp thứ ba (20.11.1964). Có thể tóm tắt các thay đổi chính như sau:

a. Nhân mạnh đến truyền thông "phát nguyên từ các tông đồ" thay vì Thánh Truyền "sống" (có thể phát xuất từ đời sống Giáo Hội).

b. Vấn đề phát triển tín lý, bản văn trước nói rằng kinh nghiệm của các tín hữu là một yếu tố phát triển, nhưng bản văn mới nhắc thêm đến lý trí (số 8b) để tránh chủ quan thuyết hiện tượng luận.

c. Nhắc đến việc nhờ Thánh Thần mà Giáo Hội biết được bản chính lục Thánh Kinh (số 8c).

d. Phân biệt rõ ràng hơn nội dung của Thánh Truyền thời các tông đồ (số 9).

e. Xác định vai trò của Huân quyền bằng cách bãi bỏ danh từ uy quyền "tối thượng" và không nhắc đến ơn bất khả ngộ, hơn nữa còn nói rằng quyền giáo huấn phải "thành kính lắng nghe" Lời Chúa (số 10). Trong kỳ họp thứ ba, các nghị phụ không bỏ phiếu bản văn này, nên các ngài có thể viết các nhận xét gửi về Ủy ban.

Sau cùng, ngày 21.9.1965, các nghị phụ đã bỏ phiếu Lược đồ này. Các chương đều được chấp thuận với vài sửa đổi. Ủy ban phụ trách kết nạp các tu chính, cố gắng dung hòa ý kiến mọi người bằng cách sửa đổi từng tiểu tiết của bản văn. Chính Đức Phaolô VI cũng đã đề nghị một vài thay đổi. Sau khi Ủy ban Giáo thuyết xem xét, bản văn được phát cho các nghị phụ ngày 25.10.1965, và bỏ phiếu ngày 29.10.1965. Ở vòng bỏ phiếu chốt, trong số 2,115 nghị phụ bỏ phiếu, có 2,081 phiếu thuận, 27 phiếu chống, và 7 phiếu bất hợp lệ. Ngày 18.11.1965 là ngày công bố với 2,344 phiếu thuận, và 06 phiếu chống.

II. Cơ Cấu Hiến Chế:

Những nét chính của bản sơ thảo đầu tiên được giữ lại đến cùng: một phần nói về Mạc Khải tổng quát, một phần dành cho Thánh Kinh. Lược đồ thứ nhất được chia như sau: Chương I: Hai nguồn Mạc Khải; Chương II: Linh hứng, bất ngộ và cấu tạo văn chương của Thánh Kinh; Chương III: Cựu Ước; Chương IV: Tân Ước; Chương V: Thánh Kinh trong Giáo Hội.

Như trong Lược đồ thứ nhất, Lược đồ thứ hai giữ lại Chương I như một lời mở đầu giới thiệu Thánh Kinh, các Chương khác cũng chứa đựng chất liệu tương tự như Lược đồ thứ nhất. Chính trong lần soạn thảo thứ ba mà giáo thuyết về Mạc Khải chiếm vai trò ưu thắng. Như vậy, phần thứ nhất của bản văn trở thành quan trọng nhất, vì chứa đựng giáo thuyết "chi phối" mọi việc khai triển khác. Nội dung của Lược đồ thứ ba là: Chương I: Về chính Mạc Khải; Chương II: Sự lưu truyền Mạc Khải; Chương III: Linh hứng của Thiên Chúa và việc chú giải Thánh Kinh; Chương IV: Cựu Ước; Chương V: Tân Ước; Chương VI: Thánh Kinh trong đời sống Giáo Hội.

Như thế, chúng ta có một bản văn chia làm hai phần lớn, được soạn thảo dưới sự hướng dẫn của hai tiểu ban. Phần nhất bàn về Mạc Khải tổng quát, gồm chương I bàn về diễn tiến Mạc Khải mà Thiên Chúa đã tự biểu lộ cho con người và phó mình cho họ, đến mức độ trọn vẹn trong Chúa Kitô; Chương II trình bày tính cách liên tục trong việc Thiên Chúa tự biểu lộ và phó mình cách trọn vẹn trong Giáo Hội bằng tất cả những gì tạo thành đời sống Giáo Hội, qua tiền trình lịch sử.

Phần hai bàn về Thánh Kinh, một hình thức đặc biệt của sự biểu lộ và phó mình của Thiên Chúa: chương III trình bày những khía cạnh tổng quát của Thánh Kinh: đó là một tác phẩm của Thiên Chúa, Đấng hạ mình đến với chúng ta, nhưng cũng là một tác phẩm của con người; chương IV bàn về giá trị của Cựu Ước; chương V bàn về Tân Ước; chương VI trình bày ý nghĩa của Thánh Kinh đối với Giáo Hội mọi thời đại và mọi hoàn cảnh.

III. Tầm Quan Trọng:

Hiển chế Mạc Khải đã không giải quyết mọi vấn đề, đã không có thái độ rõ ràng về nhiều vấn đề, và không làm thỏa mãn mọi người. Hiển chế không thể làm điều đó. Dầu vậy, Hiển chế cũng nói lên một bước tiến rất tích cực trong công cuộc tìm hiểu Mạc Khải, cũng sẽ có một tầm ảnh hưởng lớn lao trong nền thần học Công giáo và cuộc đối thoại hợp nhất.

Công đồng tiến hành công việc trong nỗ lực hòa giải. Hiển chế Mạc Khải đã phải tổng hợp nhãn quan của nhiều trường phái không luôn luôn phù hợp nhau, phải tóm lược các ý tưởng (dù làm như vậy có vẻ đơn giản hóa vấn đề). Bản văn phải được nghiên cứu cẩn thận chứ không chỉ đọc thoáng qua. Tuy nhiên, không được vì thế mà lãng quên tâm điểm của toàn thể giáo thuyết, tâm điểm đó chính là tác động cứu độ của Thiên Chúa đang diễn tiến trên thế gian và trong lịch sử nhờ Lời của Ngài là Chúa Kitô.

Cũng nên chú ý là bản văn sau cùng đã được đại đa số nghị phụ trong Công đồng chấp thuận, như thế bản văn nói lên đức tin của Giáo Hội về vấn đề này. Dù không đồng tâm về những chi tiết, nhưng phần giáo thuyết căn bản thì không ai có thể bàn cãi được nữa.

Người ta có thể lấy làm tiếc là Thánh Truyền và Huấn quyền lại đứng bên cạnh Thánh Kinh. Nhưng như thế là vì đã có thành kiến luôn đối chiếu ba thực thể trên. Trong khi đó, Công đồng đã quan niệm và thành công trong việc dung hòa: Cả ba đều mang Lời Chúa, tuy mỗi thực thể theo một cách thức riêng và với một tước vị riêng.

Bản văn này phải thúc đẩy các nhà thông thái nghiên cứu Thánh Kinh và giúp tín hữu say mê Thánh Kinh. Theo đường hướng cởi mở của Thông điệp *Divino afflante Spiritu*, Hiển chế về Mạc Khải mở ra những chân trời mới cho công việc chú giải. Người ta được tự do nghiên cứu để khai thác các "văn loại" và các khám phá mà lịch sử và khoa học đem lại, mà không sợ những cảm đoán đè nặng từ bên ngoài như trường hợp các đồng nghiệp của họ thời trước. Nhưng cùng một lúc Hiển chế cũng xác định những điều ta không thể chối bỏ mà không triệt tiêu Mạc Khải. Do đó, không được nghi ngờ lịch sử tính của Phúc Âm và nguồn gốc tông đồ của các sách đó. Công đồng đã không kết án phương pháp văn hình sử (*formgeschichte*) nhưng đã nêu ra những giới hạn của phương pháp ấy; không phải tất cả những ý tưởng "giải huyền thoại" của R. Bultmann là sai, nhưng phải cẩn thận để khỏi rơi vào thuyết duy tín mà phương pháp này đưa đến. Còn về tầm quan trọng thực tế của những lời khuyên mục vụ ở chương VI thì chỉ có tương lai mới có thể trả lời chúng ta.

Việc xác định chân lý Thánh Kinh ở số 11 là một điều rất quan trọng. Người ta không thể tìm thấy trong Thánh Kinh bất cứ loại chân lý nào (khoa học, lịch sử, địa lý, nhân chủng học...) nhưng chỉ có thứ chân lý cứu thoát chúng ta, và ta cũng nên lưu ý Công đồng không nói những chân lý, nhưng nói chân lý ở số ít; chân lý ấy đồng thời cũng là sự sống, là đường dẫn đến sự cứu độ. Điều đó muốn nói rằng: chân lý của chúng ta không phải chỉ là một điều ta biết suông, nhưng là một bổn phận phải thực hành: "Thực Hành Chân Lý" (x. Ep 4,15) và phải tiến tới trong chân lý: "Đi Trong Chân Lý". Công đồng muốn giải phóng thần học khỏi quan niệm Hy Lạp về chân lý quá tĩnh để trở về với ý niệm Do Thái linh động hơn, hiện sinh hơn, cởi mở hơn đối với mẫu nhiệm Thiên Chúa.

Một số người công kích, số khác lại ca tụng về tầm quan trọng hợp nhất của Hiến chế về Mạc Khải. Người ta đã chỉ trích "sự hàm hồ" về mối tương quan giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền. Nhưng có người lại thấy ở đó một cánh cửa đưa đến đối thoại, nhất là vào thời đại các Giáo Hội phát sinh sau khi Phong Trào Cải cách đặt lại vấn đề Thánh Truyền. Việc tự do tìm hiểu đã chiếm được một địa vị, nhờ đó sự cộng tác giữa các nhà chú giải Công giáo và Tin lành cùng dễ dàng và đáng khích lệ hơn. Ngoài ra, việc khuyến khích đọc Thánh Kinh đã tạo nên một nền tảng vững chắc đưa các Kitô hữu xích lại gần nhau hơn, vì họ cũng lắng nghe một Lời Chúa. Dù bản chính lục Thánh Kinh vẫn còn đôi chút khác biệt, nhưng sự kiện này không có tầm quan trọng thực tiễn nào.

Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin
Hội Đồng Giám Mục Việt Nam
Saigon, ngày 2 tháng 11 năm 2005

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa VIII Ngày 18 tháng 11 Năm 1965

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiến Chế Tín Lý
Về Mạc Khải Của Thiên Chúa 1*
Dei Verbum

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Mở Đầu

1. Trong niềm thâm kính lắng nghe và tin tưởng công bố Lời Thiên Chúa, ^{2*} Thánh Công Đồng lặp lại lời Thánh Gioan: "Chúng tôi loan truyền cho anh em sự sống đời đời, đã có nơi Chúa Cha và đã hiện đến với chúng tôi: điều chúng tôi đã thấy, đã nghe, chúng tôi loan truyền cho anh em, để anh em cũng được hiệp nhất với chúng tôi, và chúng tôi hiệp nhất với Chúa Cha và với Chúa Giêsu Kitô Con Ngài" (1Gio 1,2-3). Bởi thế noi gương Công Đồng Trentô và Vaticanô I, Công Đồng này muốn trình bày giáo lý chân thực về mạc khải của Thiên Chúa và lưu truyền mạc khải ấy, để khi nghe công bố ơn cứu độ, toàn thể nhân loại tin theo, để nhờ tin mà hy vọng, và nhờ hy vọng mà yêu mến ^{1. 3*}

Chương I

VỀ CHÍNH VIỆC MẠC KHẢI ^{4*}

2. **Bản tính và đối tượng của mạc khải.** Thiên Chúa nhân lành và khôn ngoan đã muốn mạc khải chính mình và tỏ cho mọi người biết mầu nhiệm thánh ý Ngài (x. Eph 1,9). Nhờ đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, Ngôi Lời nhập thể trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần bản tính của Thiên Chúa (x. Eph 2,18; 2P 1,4). Trong việc mạc khải này, với tình thương chan chứa của Ngài, Thiên Chúa vô hình (x. Col 1,15; 1Tm 1,17) ngỏ lời với loài người như với bạn hữu (x. Xac 33,11; Gio 15,14-15). Ngài đối thoại với họ (x. Bar 3,38) để mời gọi và đón nhận họ hiệp nhất với Ngài. Công cuộc mạc khải này được thực hiện bằng các hành động và lời nói liên kết mật thiết với nhau. Nên các việc Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử cứu rỗi bày tỏ, củng cố giáo lý và những điều được giải thích qua lời nói. Còn lời nói thì công bố các việc làm và khai sáng mầu nhiệm chứa đựng trong đó ^{5*}. Nhờ mạc khải này, chân lý thâm sâu về Thiên Chúa cũng như về phần rỗi con người, được sáng tỏ nơi Chúa Kitô, Đấng trung gian, đồng thời là sự viên mãn của toàn thể mạc khải ^{2. 6*}

3. **Chuẩn bị mạc khải Phúc Âm.** ^{7*} Thiên Chúa, Đấng tạo dựng và bảo tồn mọi sự nhờ Ngôi Lời (x. Gio 1,3), không ngừng làm chứng về Mình trước mặt loài người qua các tạo vật (x. Rm 1,19-20). ^{8*} Và vì muốn mở đường cứu rỗi cao trọng, nên từ đầu Ngài còn tỏ Mình ra cho tổ tông chúng ta. Sau khi tổ tông sa ngã, qua lời hứa ban ơn cứu chuộc, Ngài đã nâng đỡ họ dậy trong niềm hy vọng cứu rỗi (x. Stk 3,15). Ngài không ngừng săn sóc nhân loại, để ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tìm kiếm sự cứu rỗi nhờ kiên tâm làm việc thiện (x. Rm 2,6-7). ^{9*} Khi đến giờ đã định, Ngài gọi Abraham để qua ông, Ngài tạo lập một dân tộc lớn mạnh (x. Stk 12,2-3), một dân tộc mà sau thời các Tổ Phụ, Ngài đã dùng Môisen và các Tiên Tri dạy dỗ, để họ nhận biết Ngài là Chúa duy nhất, hằng sống và chân thật, là Cha quan phòng, là thẩm phán chí công, để họ trông đợi Đấng Cứu Thế được hứa ban và nhờ vậy, qua bao thế kỷ, Ngài đã dọn đường ^{10*} cho Phúc Âm.

4. **Đức Kitô hoàn tất mạc khải.** ^{11*} Sau khi phán dạy nhiều lần, nhiều cách qua các Tiên Tri, "nay là thời cuối cùng, Thiên Chúa đã nói với chúng ta qua Chúa Con" (Dth 1,1-2). ^{12*} Thực vậy, Ngài đã sai Con Ngài là Ngôi Lời vĩnh cửu, Đấng sáng soi mọi người, đến sống giữa loài người và nói cho họ nghe những điều kín nhiệm nơi Thiên Chúa (x. Gio 1,1-18). Bởi vậy, Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời nhập thể "là người đã được sai đến với loài người" ³, "nói tiếng nói của Thiên Chúa" (Gio 3,34) và hoàn thành công trình cứu rỗi của Chúa Cha đã giao phó cho Ngài thực hiện (x. Gio 5,36; 17,4). Vì thế, chính Ngài, Đấng mà ai thấy, tức là thấy Chúa Cha (x. Gio 14,9), đã đến bổ túc và hoàn tất mạc khải, bằng tất cả sự hiện diện và tỏ mình qua lời nói cũng như việc

làm, dấu chỉ và phép lạ, nhất là qua cái chết và sự sống lại vinh quang từ kẻ chết, sau cùng bằng việc phái Thần Chân Lý đến, bằng chứng tích của một Thiên Chúa, Ngài xác nhận Thiên Chúa hằng ở với chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi bóng tối tội lỗi và sự chết, rồi phục sinh chúng ta để được sống đời đời.

Vậy nhiệm cuộc Kitô giáo, vì là giao ước mới và vĩnh viễn, sẽ không bao giờ mai một. Chúng ta không phải chờ đợi một mạc khải công cộng nào khác nữa trước khi Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta hiện đến trong vinh quang (x. 1Tm 6,14; Tit 2,13). [13*](#)

5. Mạc khải phải được đón nhận bằng đức tin. Phải bày tỏ "sự vâng phục của đức tin" (x. Rm 16,26; Rm 1,5; 2Cor 10,5-6) đối với Thiên Chúa mạc khải. Nhờ sự vâng phục đó, con người phó thác toàn thân cho Thiên Chúa một cách tự do "dâng lên Thiên Chúa mạc khải sự qui phục hoàn toàn của lý trí và ý chí" [4](#), đồng thời sẵn lòng chấp nhận mạc khải Ngài ban cho. Để được niềm tin này, cần có ân sủng Thiên Chúa đi trước giúp đỡ và sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần: Ngài thúc đẩy và quy hướng con tim về cùng Thiên Chúa, mở mắt lý trí và làm cho "mọi người cảm thấy dịu ngọt khi đón nhận và tin theo chân lý" [5](#). Và để việc hiểu biết mạc khải được sâu rộng thêm mãi, cũng chính Chúa Thánh Thần không ngừng kiện toàn đức tin qua các ơn của Ngài. [14*](#)

6. Tương quan giữa tri thức tự nhiên và siêu nhiên về Thiên Chúa. Thiên Chúa đã muốn dùng mạc khải [15*](#) để bày tỏ và thông ban chính mình Ngài cùng những ý định muôn đời của Ngài liên quan đến phần rỗi nhân loại, "nghĩa là cho họ được tham dự vào các ân thiêng hoàn toàn vượt khỏi trí khôn loài người" [6](#). [16*](#)

Thánh Công Đồng tuyên xưng rằng: "Con người nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí, có thể từ các tạo vật nhận biết cách chắc chắn có Thiên Chúa như nguyên lý và cứu cánh mọi sự" (x. Rm 1,20). Công Đồng còn dạy: chính nhờ Thiên Chúa mạc khải mà "tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa, tự nó vốn không vượt quá khả năng lý trí con người, trong hoàn cảnh hiện tại của nhân loại, đều có thể biết được cách dễ dàng, chắc chắn mà không lẫn lộn sai lầm" [7](#). [17*](#)

Chú Thích:

1* Lược đồ thứ nhất mang tựa đề "Lược đồ Hiến chế tín lý về các nguồn Mạc Khải". Trong lần soạn thảo thứ hai, lược đồ lại mang tên "Lược đồ Hiến chế tín lý về mạc khải của Thiên Chúa". Nhưng vì bản văn nói về Mạc Khải rất ít nên có người đề nghị tựa đề "Về Thiên Chúa Đấng tự mạc khải", hoặc "Về Thánh Kinh". Trong lần soạn thảo thứ ba tính từ "tín lý" bị loại bỏ, nhưng nó lại xuất hiện trong bản văn cuối cùng. ([Trở lại đầu trang](#))

2* Nguyên văn viết tắt cả hai chữ bằng chữ hoa, nên ta không biết nó chỉ Ngôi Lời của Thiên Chúa hay là Lời của Chúa, tức Phúc Âm. ([Trở lại đầu trang](#))

1 Xem T. Augustinô, De catechezandis rudibus, ch. IV, 8: PL 40, 316. ([Trở lại đầu trang](#))

3* Ở đây Công Đồng trình bày: mục đích của Mạc Khải là cứu độ con người chứ không phải để thỏa mãn óc tìm tòi của trí khôn chúng ta. Quyền Giáo Huấn không phải là chủ của Lời Chúa nhưng là tôi tớ "lắng nghe" và vâng theo (số 10); do đó quyền giáo huấn phải làm chứng những gì đã được giao phó. Việc trích dẫn 1Gio 1, 2-3 trình bày nội dung Mạc Khải (đời sống vĩnh cửu) như sự hiệp thông giữa con người và Ba Ngôi Thiên Chúa; nội dung đó được gởi đến cho mọi người nhờ các chứng tá. Những điều trên đương nhiên đòi hỏi một hoạt động truyền giáo: việc "công bố ơn cứu độ" (x. CvTđ 13,26; Eph 1, 13). ([Trở lại đầu trang](#))

4* Chương này xuất hiện ở trong bản thảo thứ ba. Trong các lược đồ trước, lời mở đầu chỉ bàn sơ qua về vài khía cạnh như "sự cần thiết và đối tượng của Mạc Khải" (số 1), "Mạc Khải tiệm tiến" (số 2) v.v... Nhưng nhiều Nghị Phụ đòi bàn về chính việc Mạc Khải, vì Mạc Khải chứa đựng không những các chân lý về Thiên Chúa mà cả sự kiện Thiên Chúa tự mạc Khải. Trong chương này Công Đồng đã muốn trình bày Mạc Khải dưới cái nhìn của con người để thích ứng hơn với những đòi hỏi của con người thời nay. Phải xem xét trọn giáo thuyết này dưới ánh sáng của lịch sử cứu độ. Chúa phó mình cho con người ngay từ khi tạo dựng vũ trụ. Bố cục của chương này như sau: số 2: Sự kiện Chúa phó mình và từ đó tự Mạc Khải; số 3 và 4: các giai đoạn Mạc Khải và sự hoàn thành trong Chúa Kitô; số 5: thái độ con người để tiếp nhận Mạc Khải; số 6: các chân lý Mạc Khải. ([Trở lại đầu trang](#))

5* Nền thần học Công Giáo đã thường coi Mạc Khải như một lời nói; còn các hoạt động của Chúa thì bị liệt vào hàng rất phụ thuộc. Công Đồng lại muốn trình bày là Thiên Chúa tự Mạc Khải trước tiên bằng "hành động" (gesta) (không bằng việc làm (facta) vì việc làm có vẻ là một tác động vật chất hơn). Ở đây, chữ "hành động" còn có nghĩa là những biến cố do một người gây nên; trong trường hợp này, con người đó chính là Thiên Chúa. Thiên Chúa tự mạc Khải bằng cách hoạt động phù trợ dân Ngài, thăm viếng bạn hữu (Abraham, Môisen) và bằng các phép lạ (ví dụ Chúa Kitô) v.v...

Trước đó số 2 này mang tựa đề: "sự cần thiết của Mạc Khải" sau đổi thành "Bản tính và đối tượng". Chúng ta thấy Mạc Khải phát xuất không do "sự khôn ngoan và nhân lành của Thiên Chúa" như Vaticanô I đã nói (Dz 1785/3004) nhưng do "Thiên Chúa nhân lành và Khôn Ngoan". Đối tượng là chính Thiên Chúa và Nhiệm cuộc cứu rỗi của Ngài. Ở đây Công Đồng dùng tiếng "bí tích" để nói lên dấu chỉ và phương tiện, lời nói và hành động (x. GH I). Mạc Khải là hoàn toàn nhưng không, ơn của tình yêu Thiên Chúa, tỏ bày cho các "bạn hữu" như trong một cuộc đối thoại, nghĩa là không những nói mà sống chung nữa. ([Trở lại đầu trang](#))

2 Xem Mt 11,27; Gio 1,14 và 17; 14,6; 17,1-3; 2Cor 3,16 và 4,6; Eph 1,3-14. ([Trở lại đầu trang](#))

6* Câu này không thấy trong những lần soạn thảo trước, sau được thêm vào do lời đề nghị của nhiều Nghị Phụ. Vấn đề quan trọng là phải xem Chúa Kitô là trung gian duy nhất của Mạc Khải vì Người là Lời mà Chúa Cha nói với chúng ta, và là sự viên mãn vì trong Người, Chúa Cha nói với chúng ta tất cả mọi sự. Vì vậy Mạc Khải có Kitô tính. ([Trở lại đầu trang](#))

7* Đề mục tổng quát của đoạn này là sự trông chờ Mạc Khải của Chúa Kitô. Mạc Khải này thể hiện từng giai đoạn, ta có thể gọi là Mạc Khải qua vũ trụ, Mạc Khải sơ khai và Mạc Khải trong lịch sử. ([Trở lại đầu trang](#))

8* Bản văn xác nhận sự kiện "Mạc Khải qua vũ trụ" hay qua "tạo vật" theo thư gửi tín hữu Rôma 1,19-20. Nhưng bản phúc trình không muốn giải quyết vấn nạn là trong thực tế Thiên Chúa có ban ơn để người ta có thể nhận biết Chúa qua tạo vật không (Relatio đính kèm lược đồ III, 1964, trg 11,3,A). Thiên Chúa mạc Khải khi tạo dựng; nhưng nên chú ý là bản văn nói "Chúa tạo dựng" chứ không nói Chúa đã tạo dựng để chỉ rõ là tất cả tạo vật luôn luôn tùy thuộc vào Đấng Tạo Hóa, dầu cả trong giả thuyết tiên hóa. Mọi người đều có thể thấy trong tạo vật bằng chứng sự hiện hữu của Thiên Chúa. Chính đây là nền móng cho thần học của các tôn giáo ngoài Kitô giáo. ([Trở lại đầu trang](#))

9* "Mạc Khải sơ khai" được trình bày trong tầm mức siêu nhiên. Bản văn loại bỏ vấn đề nhất tổ thuyết hay đa tổ thuyết, mà chỉ muốn nói là Thiên Chúa đã tỏ mình cho con người, (không nói

bằng cách nào), cũng như chỉ muốn nói là Thiên Chúa đã luôn luôn cứu thoát con người, và tình trạng này vẫn còn giá trị ngay cả bây giờ (xem GH 16). ([Trở lại đầu trang](#))

10* "Mạc Khải trong lịch sử" bắt đầu với Abraham. Công Đồng đã muốn nêu lên mối liên lạc giữa việc tuyển chọn và Mạc Khải. Thiên Chúa được gọi là "Cha", nhưng các chữ "của mọi người" lại bị loại bỏ vì trong Cựu Ước phổ quát tính chưa rõ ràng lắm. Cựu Ước được coi như là sự "chuẩn bị" cho Phúc Âm để nói lên ý tưởng mạc Khải trong Cựu Ước còn bất toàn và có liên quan đến Mạc Khải của Chúa Kitô. ([Trở lại đầu trang](#))

11* Số này đáp ứng số 2: Mạc Khải được thể hiện bằng hành động và ngôn từ. Chúa Kitô vừa là biến cố vừa là Lời của Thiên Chúa. Có hai đoạn: đoạn thứ nhất cắt nghĩa tại sao Chúa Kitô đem lại cho chúng ta mạc Khải viên mãn; đoạn hai nói mạc Khải này là tối hậu và sẽ không còn mạc Khải nào khác nữa. ([Trở lại đầu trang](#))

12* Công Đồng đánh dấu sự liên tục và tương phản giữa mạc Khải của Chúa Kitô và những gì xảy ra trước. Một đối với nhiều, như toàn thể đối với phân tán. Nhập Thể là cuộc Mạc Khải vĩ đại của Thiên Chúa. Vì vậy trước tiên phải xác định chân lý Nhập Thể, bản tính nhân loại thật sự của Chúa Kitô, trong đó ta "thấy" Chúa (x. Gio 14,9) và lịch sử thật của Ngài, "lời nói và việc làm". Các phép lạ không phải chỉ là sự "xác nhận" Mạc Khải, nhưng là chính Mạc Khải: vì Chúa Kitô tỏ mình qua các phép lạ. ([Trở lại đầu trang](#))

3 Epist. ad Diognetum, 7,4: Funk, Patres Apostolici, 1,403. ([Trở lại đầu trang](#))

13* Theo ý tưởng của thư gởi tín hữu Do Thái, Mạc Khải cũng như chức Linh Mục của Chúa Kitô phải là độc nhất và vĩnh cửu. Một vài Nghị Phụ muốn nói là "vì Mạc Khải chấm dứt với các Tông Đồ", nhưng Ủy ban bác bỏ ý kiến trên "vì đó là một lời giải thích đang được bàn cãi". Lý do sâu xa: vì Chúa Kitô là sự viên mãn và như vậy hoàn tất Mạc Khải, nên không còn gì vượt trên sự viên mãn nữa. Nhưng cuộc Mạc Khải còn chờ sự vinh quang vào ngày Quang Lâm. Còn vấn đề tiến triển: không phải tiến triển trong Mạc Khải nhưng tiến triển chính trong việc chúng ta hiểu biết và thực hành Phúc Âm; đó là công việc của Chúa Thánh Thần, Đấng không nói sự gì mới lạ nhưng làm chứng về Chúa Kitô (x. Gio 16,14). ([Trở lại đầu trang](#))

4 CD Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch. 3: Dz 1789 (3008). ([Trở lại đầu trang](#))

5 CD Orange II, đ. th. 7: Dz 180 (377). - CD Vat I, n.v.t.: Dz 1791 (3010). ([Trở lại đầu trang](#))

14* Trong số này Công Đồng trình bày lời đáp ứng của con người đối với Thiên Chúa Mạc Khải: đó là Đức Tin, nhưng đức tin được hiểu dưới phương diện nhân bản, như một cuộc "đổi thoại cứu rỗi" (Ecclesiam Suam, 6-8-1964 số 72-79). Công Đồng cũng nhận định những khía cạnh của hành vi đức tin: tự do, thuộc lý trí, thuộc ý chí, không thể có nếu không có ơn Chúa... Kiểu nói "Sự vâng phục đức tin" không được trình bày như một đòi buộc luân lý suông nhưng như là một đòi hỏi chính yếu của mối liên hệ mà Thiên Chúa Mạc Khải nối kết với con người. Trong hành vi đức tin con người dần thân toàn diện chứ không phải chỉ bằng lý trí. Ở đây bàn đến "đức tin đã thành hình" bao gồm cả Đức Cậy và Đức Mến, như ta có thể phỏng đoán theo những câu trích Thánh Kinh; nhưng Ủy Ban cắt nghĩa thêm: "đức tin chưa thành hình" cũng là Đức Tin và cũng cần ơn của Chúa Thánh Thần. Đức tin luôn luôn lớn mạnh dưới tác động của cũng chính Chúa Thánh Thần. ([Trở lại đầu trang](#))

15* Trong số này Công Đồng bàn về những chân lý được mạc Khải, trước hết là những chân lý siêu nhiên, rồi đến những chân lý tự nhiên. Công Đồng nói theo Vaticanô I. Nhưng thứ tự ở Vaticanô I là: a) tri thức tự nhiên về những chân lý tự nhiên, b) tri thức những chân lý tự nhiên

nhờ mạc khải, c) tri thức chân lý siêu nhiên nhờ mạc khải. Đang khi đó thứ tự ở đây lại là c-a-b: nghĩa là theo một viễn tượng Kinh Thánh và qui về Thiên Chúa hơn. ([Trở lại đầu trang](#))

6 CD Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch. 2: Dz 1786 (3005). ([Trở lại đầu trang](#))

16* Đoạn này nói lên đối tượng riêng biệt của Mạc Khải, nghĩa là đối tượng mà chúng ta cần được mạc khải: Chính Thiên Chúa và những ý định cứu rỗi của Ngài (x. Relatio, trg 9,5). Mạc Khải này không phải chỉ là một sự thông đạt kiến thức nhưng cũng có mục đích cứu rỗi con người nghĩa là thông phần vào đời sống Thiên Chúa. ([Trở lại đầu trang](#))

7 n.v.t.: Dz 1785-1786 (3004-3005). ([Trở lại đầu trang](#))

17* Phần thứ hai của số 6 lặp lại giáo thuyết của Công Đồng Vaticanô I về sự nhận biết Thiên Chúa bằng lý trí, nhưng Công Đồng dùng những từ ngữ rất mạnh để chống lại thuyết vô thần. Nhưng chữ "tuyên xưng" và "dạy" ở phần này nói lên một tín điều. Con người thật sự có thể nhận biết Thiên Chúa nhưng họ không thể không sai lầm nếu Thiên Chúa không giúp. Lịch sử minh chứng là con người luôn luôn tìm kiếm Thiên Chúa nhưng không bao giờ thoát khỏi lầm lẫn; và trong thực tế, ảnh hưởng của tội lỗi hình như đã làm cho thế giới thường trở thành một chương ngại vật. Tuy nhiên, trong "nhiệm cuộc" cứu rỗi chúng ta đang sống, một tri thức hoàn toàn tự nhiên chỉ là một tư tưởng trừu tượng, vì ơn Chúa hiện diện khắp mọi nơi. ([Trở lại đầu trang](#))

Hiến Chế Tín Lý Về Mạc Khải Của Thiên Chúa Dei Verbum

**Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia**

Chương II Sự Lưu Truyền Mạc Khải Của Thiên Chúa 18*

7. Tông đồ và các người kế vị loan truyền Phúc Âm. Những gì Thiên Chúa đã mạc khải để cứu rỗi muôn dân, Ngài đã ân cần sắp đặt để luôn được bảo toàn và lưu truyền ^{19*} nguyên vẹn cho mọi thế hệ. Bởi thế Chúa Kitô, nơi Người Thiên Chúa tối cao hoàn tất trọn vẹn nguồn mạc khải (x. 2Cor 1,20 và 3,16-4,6), đã truyền dạy các Tông Đồ rao giảng cho mọi người Phúc Âm được hứa trước qua miệng các Tiên Tri, được chính Người thực hiện và công bố; các Ngài rao giảng Phúc Âm như nguồn mọi chân lý cứu độ và lẽ luật luân lý ¹, đồng thời thông ban cho họ

các ân thiêng. Việc này đã được thực hiện cách trung thành, một phần do các Tông Đồ: hoặc qua lời giảng dạy, gương lành và các thể chế các ngài đã truyền lại những gì đã nhận lãnh từ miệng Chúa Kitô khi chung sống với Người và thấy Người hành động, hoặc đã học biết được nhờ Chúa Thánh Thần gợi ý; một phần do chính các ngài và những người phụ tá các ngài đã viết lại ^{20*} tin mừng cứu rỗi dưới sự linh ứng của cùng một Chúa Thánh Thần ².

Nhưng để Phúc Âm được giữ gìn toàn vẹn và sống động mãi trong Giáo Hội ^{21*}, các Tông Đồ đã để lại những người kế vị là các Giám Mục, và "trao lại cho họ quyền giáo huấn của các ngài" ³. Bởi vậy, Thánh Truyền đó cùng với Thánh Kinh Cựu và Tân Ước, là như tấm gương mà Giáo Hội lữ thứ trên trần gian nhìn vào để chiêm ngưỡng Thiên Chúa, nơi Ngài Giáo Hội nhận lãnh tất cả, cho đến khi được dẫn tới để nhìn thấy Ngài, diện đối diện, như Ngài hiện thực (x. 1Gio 3,2).

8. Thánh Truyền. ^{22*} Vì vậy, những lời giảng dạy của các Tông Đồ được đặc biệt ghi lại trong các sách linh ứng, phải được bảo tồn và liên tục lưu truyền cho đến tận thế. Do đó khi truyền lại những gì chính mình đã lãnh nhận, các Tông Đồ khuyến cáo tín hữu phải giữ gìn các truyền thống họ đã học biết qua lời chỉ giáo hay bằng thư từ (x. 2Th 2,15), và phải chiến đấu để bảo vệ đức tin chỉ được truyền dạy cho họ một lần thôi (Gđã 3) ⁴. Và những điều các Tông Đồ truyền lại bao gồm tất cả những gì góp phần vào việc giúp Dân Thiên Chúa sống một đời thánh thiện và làm tăng triển đức tin. Như vậy, Giáo Hội qua giáo lý, đời sống và việc thờ phượng của mình, bảo tồn và lưu truyền cho mọi thế hệ tất cả thực chất của mình và tất cả những gì mình tin. ^{23*}

Thánh Truyền do các Tông Đồ truyền lại được tiến triển trong Giáo Hội dưới sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần ⁵. Thật vậy, các sự việc và lời nói truyền lại được hiểu biết thấu đáo hơn, nhờ sự chiêm ngắm và học hỏi của các tín hữu, những người đã ghi nhận các điều đó trong lòng (x. Lc 2,19 và 51); nhờ sự thông hiểu những điều thiêng liêng họ cảm nghiệm được, hoặc nhờ việc giảng dạy của những người lãnh nhận một đoàn sủng chắc chắn về chân lý, do việc kế vị trong chức Giám Mục. Nói cách khác, qua bao thế kỷ Giáo Hội luôn hướng tới sự viên mãn của chân lý Thiên Chúa, cho đến khi lời Chúa được hoàn tất nơi chính Giáo Hội. ^{24*}

Lời các Thánh Giáo Phụ chứng thực sự có mặt sống động của Thánh Truyền. Và sự phong phú của Thánh Truyền đã thâm nhập vào thực hành và đời sống của Giáo Hội hằng tin tưởng và cầu nguyện. Nhờ Thánh Truyền ấy, Giáo Hội biết được toàn bộ chính lục Thánh Kinh và cũng nhờ Thánh Truyền, Thánh Kinh được hiểu biết thấu đáo hơn, cũng như Thánh Truyền đã làm cho Thánh Kinh không ngừng hoạt động. Như vậy Thiên Chúa, Đấng xưa đã phán dạy, nay vẫn không ngừng ngỏ lời với Hiền Thê của Con yêu dấu mình; và Thánh Thần, Đấng làm cho tiếng nói sống động của Phúc Âm vang dội trong Giáo Hội và nhờ Giáo Hội làm vang dội trong thế giới, hướng dẫn các tín hữu nhận biết toàn thể chân lý và làm cho lời Chúa Kitô tràn ngập lòng họ (x. Col 3,16). ^{25*}

9. Tương quan giữa Thánh Truyền và Thánh Kinh. Bởi vậy Thánh Truyền và Thánh Kinh liên kết, phối hiệp mật thiết với nhau vì cả hai phát xuất từ một nguồn mạch là Thiên Chúa, có thể nói kết hợp làm một duy nhất và cùng hướng về một mục đích. Thực vậy, Thánh Kinh là lời Chúa nói, vì được ghi chép lại dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần; còn lời Chúa, mà Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần đã ủy thác cho các Tông Đồ, thì Thánh Truyền lưu lại toàn vẹn cho những kẻ kế vị các ngài, để nhờ Thần Chân Lý soi sáng, họ trung thành gìn giữ, trình bày và phổ biến qua lời rao giảng. Do đó, Giáo Hội không chỉ nhờ Thánh Kinh mà biết cách xác thực những điều mạc khải. Chính vì thế cả Thánh Kinh lẫn Thánh Truyền đều phải được đón nhận và tôn kính bằng một tâm tình quý mến và kính trọng như nhau ⁶. ^{26*}

10. Tương quan giữa Thánh Truyền, Thánh Kinh, Dân Chúa và Huấn Quyền. Thánh Truyền và Thánh Kinh hợp thành một kho tàng thánh thiện duy nhất chứa đựng lời Thiên Chúa và được ủy thác cho Giáo Hội. Trong khi gắn bó với kho tàng ấy, toàn thể dân thánh hiệp nhất với các chủ chăn, ^{27*} luôn được vững bền trong giáo lý các Tông Đồ, trong niềm hiệp thông, trong việc bẻ bánh và lời cầu nguyện (x. CvTđ 2,42, bản Hy Lạp), đến nỗi trong việc tuân giữ, thực hành và tuyên xưng đức tin lưu truyền, các Giám Mục và tín hữu hiệp nhất với nhau cách lạ lùng ⁷.

Nhiệm vụ chủ giải chính thức lời Chúa đã được viết ra hay lưu truyền ⁸ chỉ được ủy thác cho Quyền Giáo Huấn sống động của Giáo Hội ⁹, và Giáo Hội thi hành quyền đó nhân danh Chúa Giêsu Kitô ^{28*}. Tuy nhiên Quyền Giáo Huấn này không vượt trên Lời Chúa, nhưng để phục vụ Lời Chúa, chỉ dạy những gì đã được truyền lại, vì thừa lệnh Chúa và với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội thành tâm lắng nghe, gìn giữ cách thánh thiện và trung thành trình bày Lời Chúa. Và từ kho tàng duy nhất ấy, Giáo Hội rút ra mọi chân lý, mà dạy phải tin là do Thiên Chúa mạc khải.

Bởi thế, hiển nhiên là Thánh Truyền, Thánh Kinh và Quyền Giáo Huấn của Giáo Hội, theo ý định vô cùng khôn ngoan của Thiên Chúa, liên kết và phối hiệp với nhau đến nỗi không thực thể nào trong ba có thể đứng vững một mình được. Và dưới tác động của một Chúa Thánh Thần duy nhất, cả ba, theo phương cách riêng, cùng góp phần hữu hiệu vào việc cứu rỗi các linh hồn.

Chú Thích:

18* Trong bản thảo thứ hai, chương I mang tựa đề: "Về Lời Chúa được Mạc Khải" và gồm có bốn số. Trong bản thảo thứ ba, người ta thêm số 8 và rồi chương II này. Nhiều người đã phê bình tựa đề, vì Mạc Khải - theo họ nói - là lời mạc khải hơn là lời được mạc khải. Tựa đề hiện tại thích hợp với nội dung hơn: "chỗ này chúng tôi miêu tả việc lưu truyền mạc khải cách tổng quát, nhưng chúng tôi quan tâm đặc biệt đến truyền thống sống vì nó có liên quan trực tiếp với mạc khải được lưu truyền và nó vẫn tiếp tục sau khi Thánh Kinh đã được viết. Như thế, chương này là một bài nhập đề khá hay cho những chương nói về Thánh Kinh sau này" (Relatio, trg 19).

Một số các Nghị Phụ muốn nhấn mạnh Thánh Truyền nên đòi phải có một đề mục về điểm này. "Phần đông các Nghị Phụ này muốn đặt Thánh Truyền lên trước Thánh Kinh, vì theo bản tính và thời gian Thánh Truyền có trước Thánh Kinh... Các Nghị Phụ khác muốn xác nhận Thánh Truyền là một nguồn Mạc Khải hoàn toàn tách biệt khỏi Thánh Kinh (Relatio, n.v.t.). Còn Ủy Ban lại muốn tránh tất cả những vấn đề đang trong vòng tranh luận. Thế là đề mục Mạc Khải đã trở thành nóng bỏng hơn cả đề mục về Cộng Đoàn tính của Giám Mục. Vấn đề ở đây là di sản của bao thế kỷ tranh luận chống Tin Lành. Chúng ta phải vượt qua vấn đề đó, nhưng không phải là việc dễ dàng, nhất là vì chúng lại xa lạ với Đông Phương và các Giáo Hội tân lập. Đây là lời Đức Giám Mục Edelly trong một cuộc phát biểu ý kiến: "Phải thoát ra khỏi vấn đề sau Công Đồng Trentô... Đặt mình vào trung tâm mâu nhiệm Giáo Hội là một liều thuốc công hiệu. Phải loại trừ tâm thức qua pháp lý và duy danh mà những người cải cách và Latinh tự đóng khung vào. Từ thời Trung Cổ, chính tâm thức này đã đối nghịch "việc truyền phép" với "lời khấn cầu Chúa Thánh Thần". Và chính tâm thức này mới đây đã trình bày "quyền tối thượng" và "cộng đoàn tính" như hai thực thể tách biệt. Cũng chính tâm thức này đã đặt Thánh Kinh và Thánh Truyền song song với nhau. Thánh Kinh là một thực tại phụng vụ và tiên tri. Các Giáo Hội Đông Phương coi Thánh Kinh là một "việc truyền phép" lịch sử cứu độ dưới "hình thức" tiếng

nói con người, nhưng không tách biệt khỏi việc truyền phép Mình Thánh Chúa trong đó tất cả lịch sử được qui hợp trong Thánh Thể Chúa Kitô. "Việc truyền phép" này cần một "lời cầu khẩn Chúa Thánh Thần" đó chính là Thánh Truyền. Thánh Truyền là "lời cầu khẩn Chúa Thánh Thần" của lịch sử cứu rỗi, là sự tỏ mình của Thánh Thần; bởi thế nếu thiếu lịch sử, Thánh Truyền sẽ không thể hiểu được và Thánh Kinh là những chữ chết. Tiếng Thánh Truyền không luôn có cùng một nghĩa, vì vậy Ủy Ban đã cho biết cách chung là từ khoảng giữa số 8 (và những điều các Tông Đồ truyền lại) tiếng "Thánh Truyền" phải hiểu theo nghĩa thụ động: thực thể hay chân lý được lưu truyền. ([Trở lại đầu trang](#))

19* Câu này nói lên ý hướng của toàn chương: Thiên Chúa muốn lưu truyền toàn thể Mạc Khải, cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, cho mọi thời đại. Các Tông Đồ đã được lệnh truyền dạy tất cả những điều các Ngài đã thu nhận nơi Chúa Kitô (Mt 28,20). ([Trở lại đầu trang](#))

1 Xem Mt 28,19-20 và Mc 16,15. CĐ Trentô, khóa 4, Sắc lệnh De cononicis scripturis: Dz 783 (1501). ([Trở lại đầu trang](#))

20* Công Đồng dạy về hai nguồn lưu truyền "Phúc Âm" trước hết theo chiều dọc: từ Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần đến các Tông Đồ; sau đó theo chiều ngang: từ các Tông Đồ đến Giáo Hội. Đoạn này nhấn mạnh đến giai đoạn đặc biệt là "thời các Thánh Tông Đồ", gồm cả những "môn đệ của các Tông Đồ" vì họ đã viết một phần Tân Ước, ngay cả sau khi vị Tông Đồ cuối cùng băng hà. Các phương tiện lưu truyền là lời giảng dạy và Thánh Kinh: cả hai phương tiện đều lưu truyền cùng một mạc khải. Công Đồng không muốn nói là trong lời giảng dạy chứa nhiều mạc khải hơn trong các bản văn. Việc giảng dạy không phải chỉ bằng lời nói mà cũng bằng gương sáng và các tổ chức. Thánh Truyền không phải chỉ là lời nói suông mà còn là những hiện thực. ([Trở lại đầu trang](#))

2 Xem CĐ Trentô, n.v.t. - CĐ Vat I, khóa 3, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo De Filius, ch.2: Dz 1787 (3006). ([Trở lại đầu trang](#))

21* Ở đây bàn về tính cách liên tục của Mạc Khải sau thời các Tông Đồ. Đề mục này được bàn kỹ lưỡng trong Hiến Chế Giáo Hội số 20 và 21. Ở đây Công Đồng chỉ nhắc lại. Ở chỗ khác Công Đồng cũng dạy rằng nhiệm vụ thiết yếu của các Giám Mục là lưu truyền Mạc Khải (x. GH 25a, GM 12a). Sự viên mãn của Mạc Khải hiện hữu trong Giáo Hội, và chính nơi Giáo Hội, nhờ đức tin ta gặp được Thiên Chúa, tức là khởi đầu việc hưởng nhan Chúa: có sự liên tục giữa Giáo Hội hiện tại và Giáo Hội cánh chung. ([Trở lại đầu trang](#))

3 T. Ireneô, Adv. Haer. III, 3, 1: PG 7, 848; Harvey, 2, trg 9. ([Trở lại đầu trang](#))

22* Số này xuất hiện trong bản thảo thứ ba. Nhiều Nghị Phụ đòi Công Đồng phải trực tiếp bàn đến Thánh Truyền, vì các lược đồ trước hầu như không nói gì đến. ([Trở lại đầu trang](#))

4 Xem CĐ Nicea II: Dz 303 (602). - CĐ Constantinopla IV, khóa 10, đ. th. 1: Dz 336 (650-652). ([Trở lại đầu trang](#))

23* Đoạn này bàn về sự hiện hữu và bản tính của Thánh Truyền. Một Nghị Phụ muốn bản văn nói: "các chân lý mà các Tông Đồ đã mạc khải bằng miệng và không có trong Thánh Kinh, được lưu truyền cho chúng ta bằng Thánh Truyền". Nhưng Ủy Ban bác bỏ đề nghị trên, vì Ủy Ban không muốn đặt vấn đề tính cách đầy đủ chất liệu của Thánh Kinh và nội dung của Thánh Truyền. Chỉ có một điều không còn nghi ngờ là Thánh Truyền có nội dung rộng hơn Thánh Kinh; bằng chứng là trường hợp bản chính lục và sự linh ứng của chính Thánh Kinh. Như thế câu "lời giảng dạy của các Tông Đồ" bao gồm tất cả mọi điều mà các Tông Đồ đã lưu truyền bằng bất cứ cách nào. Và những điều đó nhờ linh ứng được chứa đựng "cách đặc biệt" trong Thánh Kinh (nghĩa là không phải chỉ trong Thánh Kinh). ([Trở lại đầu trang](#))

5 Xem CĐ Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo De Filius, ch.4: Dz 1800 (3020). ([Trở lại đầu trang](#))

24* Thánh Truyền luôn linh động, tăng tiến và tiến triển liên tục (không phải trong bản chất mà trong việc hiểu biết) và luôn giữ đồng nhất tính nguyên thủy của mình trong khi vẫn hướng về sự viên mãn của chân lý. Để chỉ "bản chất" ta nói "Tông Truyền" thay vì "Thánh Truyền sống". Nguồn gốc sự phát triển là: việc chiêm ngắm, sự nghiên cứu của các nhà thần học, ơn hiểu biết Chúa Thánh Thần ban và lời giảng dạy của hàng Giáo Phẩm. Ở đây người ta theo kiểu nói của Thánh Ireneô mà không nêu danh tánh, vì các ngôn từ "Đoàn sủng về chân lý" có thể có ba nghĩa: ơn ban chân lý mạc khải, ân sủng giúp trung thành với chân lý, và ơn giúp cất nghĩa mạc khải cách chân thực; ở đây theo nghĩa thứ ba. ([Trở lại đầu trang](#))

25* Các Giáo Phụ là những nhân chứng quan trọng nhất của Thánh Truyền, không phải chỉ vì các Ngài sống gần thời của Tông Đồ mà vì các Ngài đã hệ thống hóa giáo thuyết, đến nỗi đã có thể truyền lại cho chúng ta theo những công thức mà chính Ngài đã hình thành. ([Trở lại đầu trang](#))

6 Xem CĐ Trentô, Sắc lệnh De Canonicis Scripturis: Dz 783 (1501). ([Trở lại đầu trang](#))

26* Thánh Truyền không phải chỉ là của Giáo Hội nhưng còn mang đặc tính thần linh như Thánh Kinh cả về nguồn gốc, nội dung và mục đích. Nội dung là xét theo phẩm, chứ Công Đồng không bàn đến lượng. Ở đây ta thấy có sự phân biệt vai trò của các Tông Đồ, những người cấu tạo Thánh Truyền, và vai trò của các Giám Mục, những người bảo vệ Thánh Truyền. Câu "Do đó, Giáo Hội không chỉ nhờ..." được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI ghi thêm vào phút chót. Nhiều người Tin Lành phản đối và cho rằng đó là một bước quay về thuyết "Hai nguồn". Nhưng Ủy Ban cất nghĩa là câu trên không hề thay đổi ý nghĩa bản văn. Thực ra 270 Nghị Phụ đã yêu cầu sửa đổi theo nghĩa đó (trong số đó có 111 Nghị Phụ thuộc nhóm đưa ra đề nghị tu chính danh tiếng 40D). Được Đức Hồng Y Bea khuyến khích, Ủy Ban đã chấp nhận câu thứ 3 trong số 7 câu do Đức Giáo Hoàng đề nghị, và nói rằng câu đó không ngăn trở những vấn đề đương tranh luận. ([Trở lại đầu trang](#))

27* Đoạn này dạy rằng Mạc Khải là gia sản của toàn thể Dân Chúa. Do đó, tín hữu không thể thụ động đối với Lời Mạc Khải. Giáo thuyết này là một bước tiến sánh với Vaticanô I và Thông điệp Humani Generis. Dân Chúa sống đạo sẽ làm giàu Thánh Truyền và giải thích Lời Chúa. ([Trở lại đầu trang](#))

7 Xem Piô XII, Tông hiến Munificentissimus Deus, 1-11-1950: AAS 42 (1950), trg 756, lấy lại lời thánh Cyprianô, Epist. 66,8: CSEL 3,2, 733: "Giáo Hội là một dân hiệp nhất với Linh mục và là một đàn chiên liên kết với Chủ Chăn". ([Trở lại đầu trang](#))

8 Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo Dei Filius, ch. 3: Dz 1792 (3011). ([Trở lại đầu trang](#))

9 Xem Piô XII, Tđ. Humani generis, 12-8-1950: AAS 42 (1050), trg 568-569: Dz 2314 (3886). ([Trở lại đầu trang](#))

28* Quyền Giáo Huấn là lời giải thích chính thức và độc nhất của Mạc Khải, quyền này do Chúa thiết lập và giữ vai trò phụng sự Lời Chúa và Dân Chúa. Quyền Giáo Huấn có thể là thường và bất thường, khả ngộ và bất khả ngộ. Về phương diện hiệp nhất lời xác quyết sau đây thực là lời tối quan trọng: Quyền Giáo Huấn phải tuân theo Lời Chúa, dầu quyền này gây khó khăn cho nhiều Kitô hữu khác. ([Trở lại đầu trang](#))

Hiến Chế Tín Lý Về Mạc Khải Của Thiên Chúa Dei Verbum

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương III Sự Linh Ứng Của Thiên Chúa Và Việc Chú Giải Thánh Kinh

11. Sự linh ứng và chân lý trong Thánh Kinh. Những gì Thiên Chúa đã mạc khải Thánh Kinh chứa đựng và trình bày, đều được viết ra dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần ^{29*}. Thực vậy, Giáo Hội Mẹ Thánh, nhờ đức tin tông truyền, xác nhận rằng toàn bộ sách Cựu Ước cũng như Tân Ước với tất cả các thành phần đều là sách thánh và được ghi vào bản chính lục Thánh Kinh: bởi lẽ được viết ra dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần (x. Gio 20,31; 2Tm 3,16; 2P 1,19-21; 3,15-16) nên tác giả của các sách ấy là chính Thiên Chúa và chúng được lưu truyền cho Giáo Hội với tình trạng như vậy ¹. Nhưng để viết các sách thánh, Thiên Chúa đã chọn những người và dùng họ trong khả năng và phương tiện của họ ², để khi chính Ngài hành động trong họ và qua họ ³, họ viết ra như những tác giả đích thực tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ viết những điều đó thôi ⁴.

Vì phải xem mọi lời các tác giả được linh ứng viết ra, tức các thánh sử, là những lời của Chúa Thánh Thần, nên phải công nhận rằng Thánh Kinh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm, những chân lý ^{30*} mà Thiên Chúa đã muốn Thánh Kinh ghi lại vì phần rỗi chúng ta ⁵. Bởi vậy "mọi sự trong Thánh Kinh được Thiên Chúa linh ứng có ích lợi cho việc dạy dỗ, biện luận, sửa trị và rèn luyện trong công chính: để người của Thiên Chúa trở nên trọn hảo và sẵn sàng thực hiện mọi việc lành" (2Tm 1, 16-17 bản Hy Lạp).

12. Cách thức giải thích Thánh Kinh. ^{31*} Tuy nhiên vì trong Thánh Kinh, Thiên Chúa đã nhờ loài người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy ⁶, nên để thấy rõ điều chính Ngài muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Thánh Kinh phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh sử thực sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của họ.

Để tìm ra chủ ý của thánh sử, giữa những phương pháp khác, cũng cần phải xét đến văn loại ^{32*}. Vì chân lý được trình bày và diễn tả qua nhiều thể văn khác nhau, như thể văn lịch sử, tiên tri, thi phú hoặc những thể văn diễn tả khác. Hơn nữa, nhà chú giải còn có bổn phận tìm hiểu ý nghĩa mà trong những trường hợp xác định, thánh sử đã muốn diễn tả và thực sự đã diễn tả trong hoàn cảnh thời đại và văn hóa của họ, qua các lối văn được dùng trong thời đó ⁷. Thực vậy, để hiểu đúng ý nghĩa tác giả Thánh Kinh muốn quả quyết trong bản văn, chúng ta phải chú tâm

đúng mức đến các cách thức cảm nghĩ, diễn tả, tường thuật do bẩm sinh, được thịnh hành trong thời của họ, cũng như phải để ý đến các hình thức mà người thời ấy thường dùng khi giao tế với nhau ⁸.

Nhưng Thánh Kinh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần, nên cũng phải được đọc và chú giải trong Chúa Thánh Thần ⁹. Và để hiểu đúng ý nghĩa của sách Thánh, chúng ta cũng phải ân cần lưu ý đến nội dung và sự thống nhất toàn bộ Thánh Kinh, dựa trên truyền thống sống động của toàn Giáo Hội và trên sự tương hợp toàn bộ đức tin. ^{33*} Theo các qui tắc ấy, nhà chú giải có nhiệm vụ nỗ lực tìm hiểu và trình bày ý nghĩa Thánh Kinh cách sâu rộng hơn, hầu sự học hỏi của họ, như một việc làm chuẩn bị, giúp phán quyết của Giáo Hội được chính chắn. Thực vậy, mọi điều liên hệ đến việc chú giải Thánh Kinh cuối cùng đều phải tùy thuộc vào phán quyết của Giáo Hội, vì Giáo Hội được Thiên Chúa giao cho sứ mệnh và chức vụ gìn giữ và giải thích lời Chúa ¹⁰.

13. Sự "hạ mình" của Đấng Khôn Ngoan. Cho nên, trong Thánh Kinh, vừa luôn được bảo toàn sự chân thật và thánh thiện của Thiên Chúa, vừa diễn tả sự "hạ mình" kỳ diệu của Đấng khôn ngoan muôn đời, "để chúng ta học biết lượng nhân từ vô biên của Chúa, và trong sự quan phòng săn sóc đến bản tính chúng ta, Ngài đã thích ứng lời nói của Ngài đến mức nào" ¹¹. Vì lời nói của Chúa diễn tả qua ngôn ngữ nhân loại, được đồng hóa với tiếng nói loài người, cũng như xưa Lời Nói của Chúa Cha Hằng Hữu đã trở nên giống loài người, sau khi nhận lấy sự yếu đuối của xác thịt.

Chú Thích:

29* Trong chương này Công Đồng bàn về những điểm gay go nhất của Thánh Kinh: linh ứng, vô ngộ, chú giải.

Trước tiên là vấn đề linh ứng: lược đồ thứ nhất đề cập dài dòng về đề mục này, nhưng theo lối trình bày của các sách thần học nên bị giới hạn vì những tranh luận chưa ổn thỏa. Với lập trường không nghiêng về luận đề này hay luận đề kia, Công Đồng dạy:

a) Có linh ứng Thánh Kinh, nghĩa là có ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần theo hai nghĩa: mạc khải các chân lý (ví dụ cho các tiên tri) và tác động giúp viết thành văn bản để lưu truyền, đồng thời bảo đảm kết quả.

b) Linh ứng ảnh hưởng đến toàn bản chính lục, bởi lẽ một cuốn sách được liệt kê vào bản chính lục là vì nó được linh ứng. Bản văn lập lại giáo thuyết của Vaticanô I, và thêm rằng giáo thuyết về linh ứng Thánh Kinh là di sản của các Tông Đồ (Đức tin tông truyền).

c) Liên quan giữa các Thánh sử và Chúa Thánh Thần, Đấng linh ứng: Chúa là tác giả, còn thánh sử là người viết sách; người ta tránh gọi các thánh sử là "dụng cụ", vì như vậy thì lại quá thụ động. Cũng vậy, người ta sẽ tránh hiểu Thiên Chúa như là tác giả "chính" mà thích nói Ngài là tác giả "siêu việt". Thiên Chúa không là "thánh sử" nhưng Ngài dùng con người đầu vẫn đề con người hoàn toàn tự do và tự phát (với lỗi lầm của họ). Đây là nền tảng của việc phê bình Thánh Kinh. ([Trở lại đầu trang](#))

1 Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo Dei Filius, ch. 2: Dz 1787 (3006).

- Ủy ban giáo hoàng về Thánh Kinh, Sắc lệnh ngày 18-6-1915: Dz 2180 (3629); EB. 420.

- Thánh Bộ Thánh Vụ, Epist. 22-12-1923: EB. 499. ([Trở lại đầu trang](#))

2 Xem Piô XII, Tđ. Divino afflante Spiritu, 30-9-1943: AAS 35 (1943) trg 313; EB 556. ([Trở lại đầu trang](#))

3 trong và qua họ: xem Dth 1,1 và 4,7 (trong): 2Sm 23,2; Mt 1,22 và nhiều nơi khác (qua); CD Vat. I: schema de doct. Cath., ghi chú số 9: Col. Lac. VII, 522. ([Trở lại đầu trang](#))

4 Lêô XIII, Tđ. Providentissimus Deus, 18-11-1893: Dz 1952 (3293); EB. 125. ([Trở lại đầu trang](#))

30* Kết quả của linh ứng là chân lý của Thánh Kinh. Trước kia lược đồ 2 chỉ nói vô ngộ, sau đó bản thảo thứ ba lại thêm: vô ngộ và chân lý; trong bản thảo thứ 4, Ủy Ban thêm tĩnh từ "cứu rỗi" vào danh từ "chân lý". Điều này gây nên một cuộc tranh luận rộng lớn và sôi nổi, vì người ta cho rằng như thế sẽ hạn chế tính cách vô ngộ của Thánh Kinh và những điều siêu nhiên và đi ngược lại Giáo Huấn của các Đức Giáo Hoàng gần đây. Ủy Ban chấp nhận đề nghị sửa đổi của 73 Nghị Phụ: "vì phần rỗi chúng ta" trong khi nhấn mạnh là linh ứng không bị giới hạn vào một phần nào của Thánh Kinh. Nhưng câu này chỉ rõ đặc tính riêng biệt của chân lý Thánh Kinh, nghĩa là chiều hướng để hiểu đúng những xác quyết của Thánh Kinh. Chân lý Thánh Kinh chứa đựng trong những lời xác quyết hay lời giáo huấn của các tác giả chứ không trong những từ ngữ. Những giáo huấn ấy không bị giới hạn trong: "đức tin và luân lý" bởi vì các "chân lý cứu độ" cũng bao gồm cả những sự kiện lịch sử. Nên lưu ý là bản văn không nói: "những chân lý", nhưng nói: "chân lý" theo số ít và chân lý ở đây hiểu theo nghĩa Thánh Kinh, nghĩa là hàm chứa sự biểu lộ của Thiên Chúa chân thật, (chứ không theo nghĩa duy trí). Chân lý lịch sử của Thánh Kinh không nhất thiết hệ tại việc dựng lại các sự kiện theo thời gian và hoàn cảnh xã hội, nhưng hệ tại sự giải thích các sự kiện, nghĩa là dưới phương diện những sự kiện đó diễn tả mối tương quan giữa con người và Thiên Chúa. ([Trở lại đầu trang](#))

5 Xem T. Augustinô De, Gen. a litt. 2, 9,20: PL 270-271; CSEL 28, 1, 46-47 và Epist. 82, 3: PL 33, 277; CSEL 34, 2, 354. - T. Tôma, De Ver. q. 12a. 2,C. - CD Tren tô, khóa 4, De canonis scripturis: Dz 783 (1501) - Lêô XIII Tđ. Providentissimus Deus: EB. 121, 124, 126-127. Piô XII, Tđ. Divino Afflante: EB. 539. ([Trở lại đầu trang](#))

31* Công Đồng dạy vấn đề chú giải rất cần thiết để hiểu Thánh Kinh. Khoa chú giải tìm tòi những phương pháp văn chương của thánh sử để khám phá điều thánh sử muốn dạy. Thiên Chúa muốn dạy cũng điều đó và có lẽ còn hơn nữa: đó là vấn đề nghĩa thâm sâu (sensus plenior) mà Ủy Ban không muốn quyết đoán. ([Trở lại đầu trang](#))

6 Thánh Augustinô, De civ. Dei XVII, 6,2: PL 41,537; CSEL. 40,2,228. ([Trở lại đầu trang](#))

32* Đoạn này bàn về việc phê bình Thánh Kinh nghĩa là nhằm phân tách "khía cạnh nhân loại" của Thánh Kinh: văn thể, phạm trù tri thức, hoàn cảnh lịch sử v.v... như trong bất cứ một tác phẩm văn chương nào. Tầm quan trọng của "văn loại" được đặt lên hàng đầu, dầu không kê khai đầy đủ. Ta nên lưu ý điểm này: phải công nhận sự hiện hữu của nhiều loại lịch sử khác nhau, vì trong các cuốn sách của Thánh Kinh quan niệm lịch sử không có cùng một nghĩa như nhau. Ý tưởng sâu xa được hiểu ngầm ở đây là Lời Thiên Chúa đã trở thành lời thực sự của con người, nghĩa là lời nhập thể, như trình bày ở số 13. ([Trở lại đầu trang](#))

7 T. Aug. De doct. Christ. III.18,26: PL.34,75-76: CSEL 80,95. ([Trở lại đầu trang](#))

8 Piô XII, n.v.t.: Dz 2294 (3829-3830); EB 557-562. ([Trở lại đầu trang](#))

9 Xem Benedictô XV, Tđ. Spiritus Paraclitus, 15-9-1920: EB 469. - T. Hieronimô, In Gal., 5, 19-21: PL 26, 417A. ([Trở lại đầu trang](#))

33* Khoa học chưa đủ cho việc chú giải của Kitô giáo. Cần phải có đức tin. Nhà chú giải cũng phải được hướng dẫn bởi cùng một Thánh Thần đã linh ứng các thánh sử. Tiếp đến, phải đặt mỗi cuốn sách trong toàn bộ Thánh Kinh vì nó không có cùng một giá trị như nhau. Phải nhớ rằng Mạc Khải còn tiến triển: Tân Ước soi sáng Cựu Ước và Thánh Truyền của Giáo Hội lại soi sáng Tân Ước. Sau cùng, việc chú giải và quyền Giáo Huấn phải cộng tác theo cùng một mục đích là làm phát triển sự hiểu biết Mạc Khải. ([Trở lại đầu trang](#))

10 Xem CD. Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch.: Dz 1788 (3007). ([Trở lại đầu trang](#))

11 T. Gioan Kim Khẩu, In Gen. 3,8 (hom. 17,1): PL 53, 134. - "Thích ứng" tiếng Hy Lạp là synkatábasis. ([Trở lại đầu trang](#))

Hiến Chế Tín Lý Về Mạc Khải Của Thiên Chúa Dei Verbum

**Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia**

Chương IV Cựu Ước

14. Lịch sử cứu độ trong các sách Cựu Ước. Thiên Chúa chí ái, khi ân cần trừ liệu và chuẩn bị việc cứu độ toàn thể nhân loại theo một kế hoạch lạ lùng, Ngài đã tuyển chọn một dân tộc để ủy thác những lời ước hẹn. Thực vậy, sau khi ký giao ước với Abraham (x. Stk 15,18) và với dân Israel qua Môisen (x. Xac 24,8) Ngài đã dùng lời nói, việc làm mạc khải cho dân Ngài đã chọn để họ biết Ngài là Thiên Chúa độc nhất, chân thật và hằng sống, để Israel nghiệm thấy đâu là đường lối Thiên Chúa đối xử với loài người, và để nhờ chính Ngài phán dạy qua miệng các Tiên Tri, ngày qua ngày, họ thấu hiểu các đường lối ấy cách sâu đậm và rõ ràng hơn, để rồi đem phổ biến rộng rãi nơi các dân tộc (x. Tv 21,28-29; 95,1-3; Is 2,1-4; Gier 3,17). Vì vậy chương trình cứu độ được các thánh sử tiên báo, thuật lại và giải thích trong các sách Cựu Ước như là lời nói chân thật của Chúa. Bởi vậy các sách được Thiên Chúa linh ứng này luôn có một giá trị vĩnh viễn: "vì những gì đã được ghi chép là để dạy dỗ chúng ta, hầu chúng ta được hy vọng nhờ sự kiên nhẫn và nhờ sự ủi an của Thánh Kinh." (Rm 15,4) ^{34*}.

15. Tầm quan trọng của Cựu Ước đối với các Kitô hữu. Lý do sự hiện hữu của chương trình cứu rỗi thời Cựu Ước, là để chuẩn bị và tiên báo ngày xuất hiện của Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc muôn loài (x. Lc 24,44; Gio 5,39; 1P 1,10) và ngày khai nguyên nước Thiên Sai, đồng thời biểu thị các biến cố ấy dưới nhiều khuôn mẫu khác nhau (x. 1Cor 10,11). Thích ứng với

hoàn cảnh nhân loại sống trước thời cứu độ do Chúa Kitô thiết lập, các sách Cựu Ước trình bày cho mọi người biết Thiên Chúa là ai và con người là ai, đồng thời trình bày Thiên Chúa công bình và nhân từ đối xử với loài người như thế nào, tuy có nhiều khuyết điểm và tạm bợ, nhưng các sách ấy minh chứng khoa sư phạm đích thực của Thiên Chúa¹. Do đó, các Kitô hữu phải thành kính đón nhận các sách này, vì chúng diễn tả một cảm thức sâu sắc về Thiên Chúa, tàng trữ những lời giáo huấn cao siêu về Ngài, những tư tưởng khôn ngoan và hữu ích về đời sống con người, những kho tàng kinh nghiệm tuyệt diệu, và sau cùng ẩn chứa mầu nhiệm cứu rỗi chúng ta.^{35*}

16. Sự thống nhất giữa Cựu và Tân Ước. Bởi thế, Thiên Chúa Đấng linh ứng và là tác giả các sách Cựu Ước cũng như Tân Ước, đã khôn ngoan sắp xếp cho Tân Ước được tiềm ẩn trong Cựu Ước, và Cựu Ước trở nên sáng tỏ trong Tân Ước². Thực vậy, dù Đức Kitô thiết lập Giao Ước Mới trong máu Ngài (x. Lc 22,20; 1Cor 11,25), nhưng các sách Cựu Ước vẫn được xử dụng trọn vẹn trong sứ điệp Phúc Âm³, đạt được và bày tỏ đầy đủ ý nghĩa trong Tân Ước (x. Mt 5,17; Lc 24,27; Rm 16,25-26; 2Cor 3,14-16). Ngược lại Tân Ước cũng được sáng tỏ và giải thích nhờ Cựu Ước.^{36*}

Chú Thích:

34* Số này bàn về lịch sử cứu độ trong Cựu Ước, xét như là cuốn sách và như là kế hoạch cứu rỗi. Thiên Chúa đã phán bằng những biến cố trong lịch sử dân Do Thái và do các tiên tri (nghĩa rộng): đã có Lời Chúa trước khi có sách, nhưng bây giờ Lời Chúa được tồn trữ trong sách. Nên lưu ý tới ý hướng của việc tuyển chọn dân Do Thái: phổ quát tính của ơn cứu độ. Cựu Ước gồm nhiều giai đoạn: giai đoạn các tổ phụ đánh dấu bằng lời hứa, giai đoạn Môisen thiết lập dân Chúa trong Giao Ước, giai đoạn tiên tri trong đó Mạc Khải được khai triển. ([Trở lại đầu trang](#))

1 Piô XI, Tđ. Mit brennender Sorge, 14-3-1937: AAS 29 (1937), trg 151. ([Trở lại đầu trang](#))

35* Số này bàn về việc Kitô hữu đọc Cựu Ước. Ba ý tưởng: tương quan giữa Cựu và Tân Ước, bản tính các sách Cựu Ước, giá trị của Cựu Ước đối với các Kitô hữu. Chúa Kitô là ý nghĩa của Cựu Ước: của cả các biến cố cũng như các sách. Tất cả những gì xảy ra trước Chúa Kitô đều có mục đích chuẩn bị. Việc tuyển chọn dân Do Thái, lịch sử, văn hóa của dân này v.v... đều chuẩn bị chính con người, ngôn ngữ và tôn giáo của Chúa Kitô v.v... Bản văn nói đến những "khuôn mẫu": không nên hiểu theo nghĩa kỹ thuật, nhưng như những biến cố quá khứ trở thành những "mẫu", những "hình" của một biến cố tương lai nhờ đó những biến cố kia được trọn nghĩa. Việc liệt kê giá trị của Cựu Ước hơi lộn xộn. Bản văn nhắc đến tính cách tạm thời của Cựu Ước, để đề phòng chống lại nền luân lý tiền Kitô giáo của dân Do Thái. Người ta nói đến "kho tàng kinh nguyện" để bênh vực các thánh vịnh, chống lại những người muốn loại bỏ thánh vịnh ra khỏi phụng vụ. ([Trở lại đầu trang](#))

2 T. Augustinô, Quaest. in Hept. 2,73: PL 34, 623. ([Trở lại đầu trang](#))

3 T. Ireneô, Adv. Haer. III 21,3: PL 7, 950; (25, 1 Harvey, 2 trg 115).

T. Cyrillô Hieros., Catech. 4, 35: PG 33, 497.

Theodorô. Mops., In Soph. 1,4-6: PG 66, 452 D-453A. ([Trở lại đầu trang](#))

36* Sự duy nhất của Cựu Ước và Tân Ước. Đoạn này bàn cách lẫn lộn về các sách vừa Tân Ước vừa Cựu Ước. Tân Ước đã thu gồm toàn thể Cựu Ước, ngoại trừ tính cách bất toàn và tạm

thời. Như thế nghĩa là các sách Cựu Ước được sát nhập vào lời rao giảng Phúc Âm như thành phần của một Mạc Khải duy nhất. Do đó, chúng hiện ở trong một văn mạch mới, chúng đã được biến đổi vì đã đạt được ý nghĩa tối hậu. Nên lưu ý rằng không những Tân Ước soi sáng Cựu Ước, mà Cựu Ước còn giúp cắt nghĩa Tân Ước, chẳng hạn phải hiểu Isaia Đệ Nhị dưới ánh sáng của thánh Phaolô và ngược lại. ([Trở lại đầu trang](#))

Hiến Chế Tín Lý

Về Mạc Khải Của Thiên Chúa

Dei Verbum

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương V

Tân Ước 37*

17. Sự trời vượt của Tân Ước. Là sức thiêng cứu rỗi mọi tín hữu (x. Rm 1, 16), lời Chúa được trình bày cách tuyệt diệu trong các sách Tân Ước, và diễn tả quyền năng của Ngài. Thực vậy, khi đến thời viên mãn (x. Gal 4,4). Ngôi Lời đầy tràn ân sủng và chân lý đã nhập thể và ở giữa chúng ta (Gio 1,14). Chúa Kitô đã thiết lập Nước Thiên Chúa trên trần gian. Người mạc khải Cha Người và Chính Mình qua lời nói, việc làm và hoàn tất công trình Người khi Người chết, sống lại, lên trời vinh hiển và khi Người sai Chúa Thánh Thần đến. Bị treo lên khỏi đất (x. Gio 12,32, bản Hylạp), Người kéo mọi người đến với Mình, Người là Đấng duy nhất có những lời ban sự sống vĩnh cửu (x. Gio 6,68). Nhưng mẫu nhiệm này chưa bao giờ được tỏ cho các thế hệ khác biết, nay đã được mạc khải trong Thánh Thần cho các Thánh Tông Đồ Người và cho các Tiên Tri (x. Eph 3,4-6, bản Hylạp), để họ rao giảng Phúc Âm, cổ võ lòng tin vào Chúa Giêsu, Đấng được xúc dầu và là Chúa, để đoàn tụ Giáo Hội. Những việc này, các sách Tân Ước đã minh chứng với một bằng chứng có giá trị vĩnh viễn và thần linh 38*.

18. Sách Phúc Âm bắt nguồn từ các Tông Đồ. Mọi người đều biết rằng trong tất cả các sách thánh, kể cả những sách Tân Ước, các sách Phúc Âm xứng đáng chiếm địa vị ưu đẳng, vì Phúc Âm là chứng tá chính yếu về đời sống và giáo lý của Ngôi Lời Nhập Thể, Đấng Cứu Chuộc chúng ta.

Trong mọi thời và khắp nơi, Giáo Hội đã và đang quả quyết rằng bốn sách Phúc Âm bắt nguồn từ các Tông Đồ 39*. Thực vậy, những gì các Tông Đồ rao giảng theo lệnh Chúa Kitô, sau này nhờ Chúa Thánh Thần soi sáng, chính các ngài và những người sống bên các ngài viết lại và lưu truyền cho chúng ta như nền tảng đức tin: đó là Phúc Âm trình bày dưới bốn hình thức: theo Thánh Mattheô, Thánh Matcô, Thánh Luca và Thánh Gioan 1.

19. Phúc Âm có tính cách lịch sử. ^{40*} Mẹ thánh Giáo Hội luôn luôn quả quyết lịch sử tính của bốn Phúc Âm, cũng như đã mạnh mẽ và liên li xác nhận bốn sách Phúc Âm trung thành ghi lại những gì Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, khi sống giữa loài người, thực sự đã làm và đã dạy vì phần rỗi đời đời của họ, cho tới ngày Người lên trời (x. CvTđ 1,1-2). Thực vậy sau khi Chúa về trời, những gì Người đã nói, đã làm thì các Tông Đồ, sau khi đã được hiểu biết cách đầy đủ hơn ² - sự hiểu biết mà chính các ngài hưởng thụ được nhờ các biến cố vinh hiển của Chúa Kitô và ánh sáng của Thần Chân Lý ³ - các ngài đã truyền lại cho những ai nghe các ngài. Phần các thánh sử đã viết bốn Phúc Âm: các ngài chọn một ít trong số chất liệu được truyền lại bằng miệng hay bằng sách vở, tóm tắt một số khác hay tùy hoàn cảnh của các Giáo Hội mà giải thích thêm, nhưng vẫn giữ hình thức của bài giảng thuyết và như vậy để luôn chân thành truyền đạt cho chúng ta những điều chân thật về Chúa Giêsu ⁴. Thực vậy, dựa trên trí nhớ hay kỷ niệm riêng tư, hoặc dựa trên chứng tá của những người "đã chứng kiến từ buổi đầu và trở nên thừa tác viên của lời Chúa", các thánh sử đã viết các sách Phúc Âm với mục đích giúp chúng ta nhận biết rằng các lời mà chúng ta đã nghe dạy dỗ đều là "chân thật" (x. Lc 1,2-4).

20. Các sách khác của Tân Ước. Ngoài bốn Phúc Âm, danh sách Tân Ước còn ghi lại các thư Thánh Phaolô và những bút tích khác của các Tông Đồ đã được viết dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần. Các bút tích này, theo ý định khôn ngoan của Thiên Chúa chứng thực những gì đã được nói về Chúa Kitô, trình bày giáo lý đích thực của Người ngày một rõ ràng hơn, rao truyền sức mạnh cứu độ của công trình thần linh của Chúa Kitô, và kể lại những bước đầu, sự bành trướng kỳ diệu cùng tiên báo sự kết thúc vinh hiển của Giáo Hội. ^{41*}

Thực vậy, Chúa Giêsu đã hiện diện bên các Tông Đồ như Người đã hứa (x. Mt 28,20) và đã sai Thánh Thần An Ủi đến để dẫn dắt họ đến sự viên mãn của Chân Lý (x. Gio 16,13).

Chú Thích:

37* Trong lược đồ thứ nhất, chương này hầu như có tính cách hoàn toàn minh giáo và tiêu cực. Sau đó người ta đã soạn thảo lại theo một tinh thần cởi mở hơn. Nhưng thực sự, chương này hầu như chỉ bàn về các Phúc Âm. ([Trở lại đầu trang](#))

38* Bản văn này phát xuất từ bản thảo thứ ba. Câu thứ nhất được coi như luận đề mà cả số này trình bày. Theo tư tưởng của chương I, Tân Ước là chính Chúa Giêsu và công trình của Người. Trong khi hoàn tất Cựu Ước, Tân Ước mạc khải cho chúng ta Thiên Chúa như Người Cha. Bản văn không nói Chúa Giêsu đã thiết lập Giáo Hội (Giáo Hội xuất hiện vào thời các Tông Đồ). Như thế người ta chấp nhận sự phân biệt giữa "Nước Chúa" và Giáo Hội (x. GH 5,8). Hoạt động của Chúa Giêsu được đặt trong lịch sử và ngày nay vẫn còn thực hiện. Bản văn dùng động từ ở thì hiện tại: Ngài "kéo" thay vì "đã kéo" của lược đồ trước. Tiếng "màu nhiệm" chỉ Chúa Kitô và công trình của Người chứ không đúng y như nghĩa của Thánh Phaolô. Lưu ý mục đích truyền giáo của Mạc Khải. ([Trở lại đầu trang](#))

39* Giá trị chứng tá của các sách Phúc Âm là thiết yếu đối với Giáo Hội. Nhưng trước kia cách thể bênh vực giá trị đó không được thích hợp cho lắm, khi đặt nền tảng trên hai lý do: các Thánh sử trung thực và thấu đáo vấn đề. Điều này buộc phải chứng minh rằng các ngài là Tông Đồ hay môn đệ các Tông Đồ; nhưng theo lịch sử, sự kiện đó không chắc chắn. Vì thế bản văn bỏ qua vấn đề này. Cùng với Thánh Truyền, Công Đồng xác nhận rằng các Phúc Âm "bắt nguồn từ các Tông Đồ" và truyền lại cho chúng ta dưới hình thức "theo Thánh Mattheô..." v.v... Nguồn gốc này là lời rao giảng hay Phúc Âm truyền khẩu. Mối liên lạc giữa lời rao giảng và Thánh

Kinh được Chúa Thánh Thần bảo đảm; nguồn mạch của Phúc Âm được rao giảng là chính Chúa Kitô. ([Trở lại đầu trang](#))

1 Xem T. Ireneô, Adv. Haer. III, 11,8: PL 7, 885, x. b. Sagnard, trg 194. ([Trở lại đầu trang](#))

40* Lịch sử tính của các sách Phúc Âm là điểm quan trọng của Hiến chế. Lược đồ thứ nhất nặng tính cách bút chiến và kết án các lầm lạc của những người nghi ngờ những câu chuyện thời thơ ấu và những cuộc hiện ra v.v... Thái độ này nghịch với tinh thần của Đức Gioan XXIII (x. AAS 54 (1962) 792) và giả thiết một ý niệm về chân lý lịch sử nặng tính cách khoa học hơn là Thánh Kinh, như có thể tìm thấy nơi những văn kiện chính thức, ví dụ: "các bản văn phải tương xứng với những sự kiện như đã xảy ra trong thực tế" (Tđ. Spir. Paraclitus, EB số 457). Nhưng khoa chú giải đã minh chứng rằng hiểu lịch sử Thánh Kinh theo cách này là sai. Các nhà bác học cũng đã minh chứng việc soạn thảo Phúc Âm rất phức tạp: phải lưu tâm đến những truyền thống khác nhau, những thích ứng trong khi rao giảng, vai trò của các cộng đoàn sơ khai v.v... Nhiều Nghị Phụ sợ rằng lịch sử tính sẽ lu mờ nếu lướt qua phương pháp "văn hình sử". Các cuộc bàn cãi sôi nổi, kéo dài, và các Nghị Phụ đã xin Đức Giáo Hoàng can thiệp để tiếng "lịch sử" được giữ lại trong bản văn. Trong khi đó, để giúp giải quyết các vấn đề, Ủy Ban Giáo Hoàng về Thánh Kinh đã phát hành một Huấn Thị về Phúc Âm (14-5-1964). Sau cùng bản văn được chấp thuận đã loại bỏ mọi nghi ngờ về lịch sử tính của Phúc Âm; đó là một chân lý mà Giáo Hội quả quyết bằng đức tin và lý trí (đã và đang quả quyết). Nhưng "lịch sử" trong Phúc Âm lại là một loại đặc biệt, phải xác định sau khi nghiên cứu văn loại của từng đoạn. Phúc Âm truyền đạt cho chúng ta "những điều chân thật và trung thực" về Chúa Giêsu; như thế nghĩa là: những điều chính thực không bị thay đổi; phải hiểu tiếng "điều chân thật" theo như đã nói ở số 11. Tóm lại, Phúc Âm không phải là một bản phúc trình về những biến cố đã qua, nhưng là một lời truyền bá những sự kiện quan hệ cho ơn cứu độ. ([Trở lại đầu trang](#))

2 Xem Gio 2,22; 12,16; So sánh với 14,26; 16,12-13; 7,39. ([Trở lại đầu trang](#))

3 Xem Gio 14,26; 16,13. ([Trở lại đầu trang](#))

4 Xem Huấn dụ Sancta Mater Ecclesia do Ủy Ban Giáo Hoàng về Thánh Kinh xuất bản: AAS 56 (1964), trg 715. ([Trở lại đầu trang](#))

41* Số này không bị thay đổi mấy. Nó xác quyết rằng Tân Ước, ngoài Phúc Âm, còn có nhiều bản văn khác, nhưng không nêu ra danh sách. Theo Công Đồng những bản văn này có nội dung:

a) thần học: dùng những lý chứng để xác quyết sứ mệnh của Chúa Kitô. Số này chấp nhận có sự tiến triển nội tại của Tân Ước, đặc biệt trong Kitô học và Giáo Hội học.

b) giảng thuyết: lời rao giảng về Chúa Kitô.

c) lịch sử: Công vụ Tông Đồ thuật lại những "bước đầu" của Giáo Hội; người ta đã dùng chữ "bước đầu" thay cho chữ "tổ chức" ở trong bản thảo trước.

d) tiên tri: loan báo ngày kết thúc (Khải Huyền). ([Trở lại đầu trang](#))

Hiến Chế Tín Lý

Về Mạc Khải Của Thiên Chúa

Dei Verbum

Chương VI

Thánh Kinh Trong Đời Sống Giáo Hội ^{42*}

21. Tầm quan trọng của Thánh Kinh đối với Giáo Hội. ^{43*} Giáo Hội luôn tôn kính Thánh Kinh như chính Thân Thể Chúa, nhất là trong Phụng Vụ Thánh, Giáo Hội không ngừng lấy bánh ban sự sống từ bàn tiệc Lời Chúa cũng như từ bàn tiệc Minh Chúa Kitô để ban phát cho các tín hữu. Cùng với Thánh Truyền, Thánh Kinh đã và đang được Giáo Hội xem như là quy luật tối cao hướng dẫn đức tin, được Thiên Chúa linh ứng và đã được ghi chép một lần cho muôn đời, Thánh Kinh phân phát cách bất di bất dịch lời của chính Chúa và làm vang dội tiếng nói của Chúa Thánh Thần qua các Tiên Tri cùng với các Tông Đồ. Bởi vậy, mọi lời giảng dạy trong Giáo Hội cũng như chính đạo thánh Chúa Kitô phải được Thánh Kinh nuôi dưỡng và hướng dẫn. Thực tế, trong các sách thánh, Chúa Cha trên trời bằng tất cả lòng triu mến đến gặp gỡ con cái mình và ngỏ lời với họ. Lời Chúa còn có một sức mạnh và quyền năng có thể nâng đỡ và tăng cường Giáo Hội, ban sức mạnh đức tin cho con cái Giáo Hội, là lương thực linh hồn, nguồn sống thiêng liêng, tinh tuyền và trường cửu cho con cái Giáo Hội. Bởi thế, lời nói sau đây thật xứng hợp cho Thánh Kinh: "Thực vậy, lời Thiên Chúa sống động và linh nghiệm" (Dth 4,12). "có khả năng gây dựng và ban gia tài cho mọi người đã được thánh hóa" (CvTđ 20,32; x. 1Th 2, 13).

22. Cần có bản văn và bản dịch. ^{44*} Phải mở rộng lối vào Thánh Kinh cho các Kitô hữu. Chính vì thế mà từ buổi đầu, Giáo Hội đã công nhận như của riêng mình bản dịch Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp, một bản văn rất cổ và được gọi là bản dịch do bảy mươi người. Ngoài ra Giáo Hội còn luôn tôn trọng các bản dịch của Đông Phương hay các bản dịch Latinh, nhất là bản thường gọi là bản "Phổ Thông". Vì phải đem lời Chúa đến cho mọi thời đại, Giáo Hội như một người mẹ ân cần lo liệu cho các sách thánh được dịch ra các thứ tiếng cách thích hợp và đúng đắn, đặc biệt dịch từ nguyên bản. Mọi Kitô hữu có thể sử dụng những bản dịch được thực hiện chung với cả những anh em ly khai trong trường hợp thuận tiện và được giáo quyền chấp thuận.

23. Nhiệm vụ tông đồ của các nhà Thánh Kinh học. ^{45*} Hiền thể của Ngôi Lời nhập thể, tức Giáo Hội, được Chúa Thánh Thần dạy dỗ, hằng cố gắng hiểu biết Thánh Kinh ngày càng sâu rộng hơn, hầu không ngừng lấy lời Chúa nuôi dưỡng con cái mình. Do đó, Giáo Hội có lý khi khuyến khích việc học hỏi các thánh Giáo Phụ Đông Phương và Tây Phương cũng như các Phụng Vụ thánh. Phần các nhà chú giải Thánh Kinh công giáo và những người chuyên về Thần Học Thánh phải ân cần lo lắng, dưới sự trông nom của Quyền Giáo Huấn Thánh, và dùng những phương thế thích hợp, để nghiên cứu và trình bày Thánh Kinh, để cung ứng nhiều thừa tác viên lời Chúa hết sức có thể, hầu lương thực Thánh Kinh được dồi dào ban bố cho dân Chúa, để soi sáng trí khôn, kiên trì ý chí và nung đốt lòng người yêu Chúa¹. Thánh Công Đồng khuyến khích các con cái Giáo Hội đang chuyên cần học hỏi những khoa học Thánh Kinh, hãy tiếp tục theo đuổi công trình đã khởi sự cách tốt đẹp với những năng lực ngày được đổi mới, và tất cả hăng say học với cảm thức của Giáo Hội ².

24. Tầm quan trọng của Thánh Kinh đối với thần học. ^{46*} Khoa Thần Học dựa trên Thánh Kinh và Thánh Truyền như dựa vào một nền tảng vĩnh viễn. Trên nền tảng này, thần học được củng cố hết sức chắc chắn và mãi mãi được trẻ trung trong khi tìm kiếm, dưới ánh sáng đức tin, mọi chân lý tiềm ẩn trong mầu nhiệm Chúa Kitô. Thánh Kinh chứa đựng lời Chúa và thực sự là lời của Chúa, vì được linh ứng. Nên nghiên cứu Thánh Kinh phải là linh hồn của Khoa Thần Học Thánh ³. Thừa tác vụ lời Chúa - nghĩa là việc rao giảng thuộc mục vụ, dạy giáo lý và huấn dụ Kitô giáo, trong đó bài giảng phụng vụ phải chiếm một chỗ quan trọng - phải được nuôi dưỡng cách an lành và gia tăng sinh lực cách thánh thiện, nhờ lời Thánh Kinh.

25. Khuyến nhủ năng học hỏi và đọc Thánh Kinh. ^{47*} Vì thế, tất cả các giáo sĩ, trước hết là các linh mục của Chúa Kitô và những người có bổn phận phục vụ lời Chúa, như các phó tế và những người dạy giáo lý, phải gắn bó với Thánh Kinh nhờ việc chăm đọc và ân cần học hỏi, để khi họ phải truyền đạt kho tàng bao la của lời Chúa, nhất là trong phụng vụ thánh, cho các giáo hữu được ủy thác cho họ, không ai trong họ sẽ trở thành "kẻ huênh hoang rao giảng lời Thiên Chúa ngoài môi miệng bởi không lắng nghe lời Thiên Chúa trong lòng" ⁴. Thánh Công Đồng cũng tha thiết và đặc biệt khuyến khích mọi Kitô hữu, cách riêng các tu sĩ hay năng đọc Thánh Kinh để học biết "khoa học siêu việt của Chúa Giêsu Kitô" (Ph 3,8). "Vì không biết Thánh Kinh là không biết Chúa Kitô" ⁵. Vậy ước gì họ hằng hái tiếp xúc với chính bản văn Thánh Kinh, nhờ Phụng Vụ Thánh dồi dào lời Thiên Chúa, hoặc nhờ sốt sắng đọc Thánh Kinh hay nhờ những tổ chức học hỏi thích hợp, hoặc bất cứ phương thế nào mà ngày nay đã được các Chủ Chăn trong Giáo Hội chấp thuận và ân cần phổ biến khắp nơi. Nhưng mọi người cũng nên nhớ rằng kinh nguyện phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì "chúng ta ngỏ lời với Ngài khi cầu nguyện, và chúng ta nghe Ngài nói lúc chúng ta đọc các sấm ngôn thần linh" ⁶.

Các Giám Mục là những người "gìn giữ giáo lý tông truyền" ⁷ có phận sự tùy nghi dạy các tín hữu đã được ủy thác cho các ngài, cho biết xử dụng đúng đắn sách thánh, nhất là Tân Ước và trước tiên các sách Phúc Âm, nhờ các bản dịch, và các bản dịch này phải được kèm theo những lời giải thích cần thiết và đầy đủ, để con cái Giáo Hội có thể xử dụng Thánh Kinh cách bảo đảm và ích lợi, và được thấm nhuần tinh thần Thánh Kinh.

Hơn nữa, cũng cần thực hiện những ấn bản Thánh Kinh với lời chú giải thích hợp cho cả những người ngoài Kitô giáo và thích hợp với hoàn cảnh của họ. Các vị Chủ Chăn linh hồn cũng như các Kitô hữu, dù trong bậc sống nào, cũng phải ân cần lo lắng phổ biến các ấn bản ấy.

26. Kết luận. ^{48*} Vì thế, ước gì nhờ việc đọc và học hỏi sách thánh, "Lời Thiên Chúa được trôi chảy và sáng sủa" (2Th 3,1), và ước gì kho tàng Mạc Khải, đã được ủy thác cho Giáo Hội, ngày một tràn ngập tâm hồn con người. Nếu đời sống Giáo Hội được tăng triển nhờ năng nhận lãnh Bí Tích Thánh Thể, cũng thế, cũng có thể hy vọng đời sống thiêng liêng được đổi mới nhờ thêm lòng sùng kính lời Chúa, là lời "hằng tồn tại muôn đời" (Is 40,8; 1P 1,23-25).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Hiến Chế tín lý này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 18 tháng 11 năm 1965

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Chú Thích:

42* Chương này phát xuất từ bản thảo thứ hai. Sau đó trong bản thảo thứ ba, người ta sát nhập thêm những yếu tố của Lược đồ về Lời Thiên Chúa do Văn Phòng Hiệp Nhất soạn thảo. Tựa đề đã thay đổi nhiều lần. Trước tiên tựa đề là: Về Thánh Kinh trong Giáo Hội; như thế có vẻ quá thần học, nên đã được đổi thành về việc dùng Thánh Kinh trong Giáo Hội; nhưng tựa đề này lại có vẻ quá tầm thường. Sau cùng người ta chấp nhận tựa đề hiện tại; tuy nhiên không phải không gặp chống đối, vì nhiều người muốn dùng tiếng "Lời Chúa" để bao gồm cả Thánh Truyền nữa.

Chương này có tính cách mục vụ. Thực vậy, "Đời sống Giáo Hội" bao gồm tất cả mọi hoạt động hướng nội cũng như hướng ngoại, như thế gồm cả việc truyền giáo. ([Trở lại đầu trang](#))

43* Trong những bản thảo trước, số này mang tựa đề: "Nỗi bận tâm của Giáo Hội đối với Thánh Kinh". Nhưng tựa đề này lại nghiêng về khía cạnh tự vệ. Sau đó các Nghị Phụ chấp nhận tựa đề hiện tại: "Giáo Hội tôn kính Thánh Kinh". Người ta chỉ có thể nói rõ hơn khi so sánh với Thân Thể Chúa; sự so sánh này gặp nhiều chống đối vì nhiều Nghị Phụ nghĩ rằng những khuynh hướng tân thời muốn giảm thiểu sự hiện diện Chúa trong phép Thánh Thể và hình như được bản văn này khuyến khích. Nhưng Ủy Ban vẫn duy trì bản văn vì sự so sánh này có tính cách cổ truyền và hơn nữa sự hợp nhất giữa Lời Chúa và Bí Tích lại rất quan trọng trong đời sống Giáo Hội (Phụng Vụ). Tầm quan trọng của Thánh Kinh được diễn tả trong câu "cùng với Thánh Truyền, Thánh Kinh... là qui luật tối cao hướng dẫn đức tin". Đây là một qui luật khách quan, vì được linh ứng. (Thiên Chúa nói với chúng ta qua Thánh Kinh); thứ đến nó là qui luật bất biến, vì Thiên Chúa không thay đổi và - theo cách nói nhân loại - điều gì đã được viết thì đã được viết rồi. Bởi thế hậu quả là đời sống Giáo Hội luôn được nuôi dưỡng bởi cùng một nguồn mạch duy nhất, và điều đó bảo đảm sự liên tục trong lịch sử cũng như trong sự bình đẳng trong các nền văn hóa khác nhau. ([Trở lại đầu trang](#))

44* Việc dịch Thánh Kinh ra các sinh ngữ là một nhu cầu truyền giáo (x. TG 22; MV 44), là một đòi hỏi của Công Giáo tính nơi Giáo Hội (x. GH 13) và là một đòi hỏi của việc hiệp nhất (x. GH 15, HN 14-17, 19-23). Mỗi Giáo Hội dịch Thánh Kinh ra tiếng bản xứ là làm giàu thêm Giáo Hội phổ quát, vì tất cả các bản dịch giả thiết một sự thấu hiểu mới về Mạc Khải. ([Trở lại đầu trang](#))

45* Số này nhấn mạnh nhiệm vụ tông đồ của các tiến sĩ Giáo Hội và khuyến khích những nhà chú giải và thần học cộng tác với nhau. Nhìn nhận tầm quan trọng của khoa học để đào sâu Lời Chúa, mặc dầu Giáo Hội có quyền quyết định tối hậu những nghi ngờ (Quyền Giáo Huấn) nhưng đồng thời lại đề phòng chống thứ khoa học (chú giải và thần học) quá căn cỗi về phương diện mục vụ. ([Trở lại đầu trang](#))

1 Xem Piô XII, Tđ. Divino Afflante Spiritu, 30-9-1943: EB 551, 553, 567. - Ủy Ban giáo hoàng về Thánh Kinh, Introductio de S. Scriptura in Clericorum Seminariis et Religiosorum Collegiis recte docenda, 13-5-1950: AAS 42 (1950), trg 495-505. ([Trở lại đầu trang](#))

2 Xem Piô XII, n.v.t : EB 569. ([Trở lại đầu trang](#))

46* Ở đây người ta bàn về vai trò Thánh Kinh trong thần học. Vậy Thánh Kinh là nền tảng: là điểm khởi phát và là điểm qui chiếu. Thánh Kinh làm cho nền thần học trẻ lại, vì đem lại những đề mục và những viên ngọc tượng mới. Thánh Kinh là "linh hồn của thần học" (x. ĐT 16), là nguyên lý sự sống, là nguồn nghị lực của thần học. Nhưng Thánh Kinh không phải là tất cả, vì thần học cũng phải quan tâm đến Thánh Truyền, đến những suy tư của người khác, những trực giác của tín hữu v.v... và phải luôn luôn biết tạo nên những tổng hợp mới để hiểu thêm Thánh Kinh. Cũng vậy, tín điều phải qui chiếu về Thánh Kinh để thấu hiểu và đào sâu trong ánh sáng Thánh Kinh. ([Trở lại đầu trang](#))

3 Xem Lêô XIII, Tđ. Providentissimus Deus: EB 114. - Benedictô XV, Tđ. Spiritus Paraclitus, 15-9-1920: EB 483. ([Trở lại đầu trang](#))

47* Lần đầu tiên trong lịch sử một Công Đồng kêu gọi đọc Thánh Kinh. Những người phục vụ Lời Chúa: Linh Mục, Phó Tế, các người dạy Giáo Lý... mang một trách vụ lớn hơn. Tuy nhiên vai Nghị Phụ bối rối và coi lời khuyến khích tổng quát đọc Thánh Kinh là một mối nguy hiểm. Phải đọc "theo tinh thần của Giáo Hội", vì vậy người ta nhấn mạnh đến kinh nguyện như là một câu đáp lại lời Thiên Chúa, Đáng nói trong Thánh Kinh.

Lãnh tụ của phong trào này là các Giám Mục, các Ngài có bốn phận kiểm soát và khuyến khích. Sau cùng, Thánh Kinh được ban cho Giáo Hội để Giáo Hội mang đến cho mọi người, vậy phải khuyến khích các đợt xuất bản dành cho người ngoài Kitô giáo. Đó là một sáng kiến truyền giáo tốt đẹp. ([Trở lại đầu trang](#))

4 T. Augustinô, Serm. 179, 1 : PL 38, 966. ([Trở lại đầu trang](#))

5 T. Hieronimô, Comm. In Is. Prol. : PL 24, 17. - Benedictô XV, Tđ. Spiritus Paraclitus: EB 475-480. - Piô XII, Tđ. Divino Afflante Spiritu : EB 521. ([Trở lại đầu trang](#))

6 T. Ambrosiô, De Officiis ministrorum I, 20, 88 : PL 46, 50. ([Trở lại đầu trang](#))

7 T. Ireneô, Adv Haer. IV, 32, 1 : PG 7, 1071, (E9,2) Harvey 2, trg 255. ([Trở lại đầu trang](#))

48* Số này là lời kết luận của chương VI, chứ không phải của tất cả Hiến Chế. Tinh thần của đoạn này cũng là tinh thần truyền giáo sâu xa. Nên lưu ý việc chuyển tiếp từ việc đọc sách đến Lời Chúa, trong câu thứ nhất, vì Thánh Kinh chứa đựng "kho tàng Mạc Khải" của Thiên Chúa cho Giáo Hội, và vì Giáo Hội sẽ luôn sống bằng Lời Chúa như chính Ngôi Lời. ([Trở lại đầu trang](#))